

BỘ ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG MỞ TÀI KHOẢN CHỨNG KHOÁN

BỘ ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN này (sau đây gọi là “**Bộ T&C**”) là một phần không tách rời của Hợp đồng mở tài khoản chứng khoán mà Bộ T&C này đính kèm (sau đây gọi là “**Hợp đồng mở TKCK**”).

Bộ T&C bao gồm: (Phần A) Những quy định chung; (Phần B) Quy định về ứng trước tiền bán chứng khoán; (Phần C) Thỏa thuận giao dịch điện tử, (Phần D) Quy định về tài khoản giao dịch ký quỹ; (Phần E) Quy định về tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh.

PHẦN A: CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU A1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong Bộ T&C này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- 1.1 **Khách hàng:** Là chủ tài khoản giao dịch chứng khoán có thông tin đặc định ghi trong phần thông tin khách hàng trên Hợp đồng mở TKCK.
- 1.2 **AIS:** Là Công ty cổ phần Chứng khoán AIS (gồm cả sau khi được đổi tên hoặc doanh nghiệp tiếp tục tồn tại sau khi tổ chức lại và kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty cổ phần Chứng khoán AIS theo Hợp đồng mở TKCK).
- 1.3 **TKCK:** Là tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng với số ghi tại trang đầu của Hợp đồng mở TKCK và các tài khoản, tiểu khoản khác được AIS mở dưới tên Khách hàng gắn với tài khoản đó nhằm cung cấp dịch vụ chứng khoán được phép cho Khách hàng (trong đó có cả tài khoản lưu ký, tài khoản giao dịch phái sinh (nếu Khách hàng đề nghị mở), tài khoản giao dịch ký quỹ (nếu Khách hàng đề nghị mở), tài khoản/tiểu khoản trong tài khoản chuyên dụng của AIS mở để quản lý tài sản của Khách hàng).
- 1.4 **Lệnh:** Là lệnh (gồm cả lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển tiền, lệnh thanh toán và lệnh giao dịch thuộc loại khác), chỉ thị, chỉ dẫn, chỉ định, hoặc tương đương do Khách hàng lập/gửi/xác nhận liên quan đến TKCK theo quy định của Hợp đồng mở TKCK.
- 1.5 **Ngày giao dịch:** Là ngày theo lịch (không bao gồm thứ Bảy, Chủ Nhật và các ngày nghỉ lễ khác theo luật, kể cả nghỉ bù) mà vào ngày đó VSD, SGDCK và ngân hàng thương mại tại Việt Nam mở cửa để hoạt động bình thường.
- 1.6 **Số điện thoại:** Là số điện thoại cố định, di động hoặc cả hai được ghi tại phần thông tin về Khách hàng trên Hợp đồng mở TKCK hoặc số khác được Khách hàng đăng ký thay đổi và lưu trong hệ thống của AIS.
- 1.7 **Thư điện tử (email):** Là thư điện tử (email) được ghi tại phần thông tin về Khách hàng trên Hợp đồng mở TKCK hoặc thư điện tử khác được Khách hàng đăng ký thay đổi và lưu trong hệ thống của AIS.
- 1.8 **VSD:** Là Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (hoặc tổ chức kế thừa).
- 1.9 **SGDCK:** Là Sở giao dịch chứng khoán tại Việt Nam.

Các từ ngữ được sử dụng riêng cho một Phần của Bộ T&C sẽ được giải thích tại phần đó.

ĐIỀU A2. MỞ TÀI KHOẢN

- 2.1 Theo đề nghị của Khách hàng, AIS sẽ mở tài khoản giao dịch chứng khoán đứng tên Khách hàng. Đồng thời, AIS cũng sẽ mở tài khoản lưu ký chứng khoán cho Khách hàng.
- 2.2 Bằng Hợp đồng mở TKCK, Khách hàng chọn phương thức quản lý tiền trong tài khoản chuyên dụng của AIS. Nhằm quản lý tiền của Khách hàng, AIS sẽ mở tiểu khoản dưới tên Khách hàng trong tài khoản chuyên dụng. Việc thay đổi phương thức quản lý tiền sẽ theo thỏa thuận của các bên hoặc theo quy định được AIS ban hành/áp dụng trong từng thời kỳ.
- 2.3 Nếu Khách hàng có đề nghị và đã đăng ký, AIS sẽ mở tài khoản giao dịch ký quỹ/tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh cho Khách hàng. AIS cũng sẽ mở các tài khoản/tiểu khoản hỗ trợ giao dịch chứng khoán trên tài khoản đó phù hợp với nghiệp vụ/chính sách của AIS và quy định của pháp luật có liên quan.
- 2.4 Tại từng thời điểm trong thời hạn Hợp đồng mở TKCK, AIS cũng có thể mở tài khoản/tiểu khoản khác cho Khách hàng nhằm cung cấp dịch vụ chứng khoán được phép theo yêu cầu của Khách hàng.
- 2.5 Các tài khoản và tiểu khoản này đều gắn với tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng.

ĐIỀU A3. DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

- 3.1 AIS sẽ cung cấp cho Khách hàng các dịch vụ chứng khoán sau trên TKCK cho Khách hàng:
 - (a) Thực hiện giao dịch mua, bán và giao dịch khác đối với chứng khoán và tài sản tài chính được phép;
 - (b) Tham gia vào việc thanh toán tiền và bù trừ chứng khoán do Khách hàng giao dịch;
 - (c) Nhận tiền Khách hàng nộp/chuyển để giao dịch chứng khoán và cho các mục đích đầu tư và thanh toán được phép khác; nhận tiền của tổ chức/cá nhân khác chuyển hoặc thanh toán cho Khách hàng; quản lý nguồn tiền của Khách

hàng và thực hiện lệnh/yêu cầu sử dụng tiền của Khách hàng (gồm cả thanh toán giao dịch chứng khoán, rút tiền, thanh toán cho giao dịch và mục đích khác và chuyển tiền đến tài khoản khác).

- (d) Quản lý chứng khoán và tài sản được phép khác của Khách hàng;
- (e) Hỗ trợ Khách hàng thực hiện quyền của người sở hữu chứng khoán;
- (f) Các dịch vụ giao dịch khác gắn với từng loại tài khoản/tiểu khoản phù hợp với nghiệp vụ được phép của AIS; và
- (g) Các dịch vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật được AIS cung cấp trong từng thời kỳ và được công bố trên website của AIS.

3.2 Tại từng thời điểm trong thời hạn Hợp đồng mở TKCK, Khách hàng có thể đưa ra yêu cầu đăng ký thêm/sửa đổi/hủy tiện ích, dịch vụ liên quan đến TKCK và việc sử dụng dịch vụ của Khách hàng. Các yêu cầu này phải được lập thành văn bản theo quy định được AIS ban hành/áp dụng trong từng thời kỳ. AIS có quyền chấp thuận hoặc từ chối các yêu cầu này của Khách hàng mà không cần giải thích lý do tùy theo quy định và khả năng đáp ứng dịch vụ của AIS trong từng thời kỳ.

ĐIỀU A4. CÁCH THỨC NHẬN LỆNH

4.1 AIS nhận lệnh của Khách hàng theo các cách thức sau:

- (a) Nhận lệnh trực tiếp tại quầy giao dịch (là địa điểm giao dịch được phép của AIS);
- (b) Nhận lệnh qua điện thoại; và
- (c) Nhận lệnh qua Hệ thống giao dịch điện tử theo quy định tại Phần C “THỎA THUẬN GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ” của Bộ T&C này.

4.2 AIS có thể nhận lệnh của Khách hàng qua cách thức khác phù hợp với quy định của pháp luật theo chính sách/quy tắc do AIS ban hành trong từng thời kỳ.

4.3 Trong trường hợp hợp đồng/thỏa thuận mà cả AIS và Khách hàng là một bên có chứa đựng lệnh thì bằng việc ký hợp đồng/thỏa thuận đó, Khách hàng được coi là lập và gửi lệnh cho AIS và AIS được coi là nhận lệnh của Khách hàng. Tương tự, nếu Khách hàng gửi văn bản có chứa lệnh đến AIS liên quan đến giao dịch của Khách hàng và bên thứ ba và AIS chấp thuận việc đó thì bằng việc gửi văn bản, Khách hàng được coi là lập và gửi lệnh cho AIS.

ĐIỀU A5. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ LỆNH

5.1 Khách hàng chỉ lập và gửi lệnh theo mẫu do AIS cung cấp hoặc đồng ý và theo phương thức áp dụng cho loại lệnh đó quy định trong Hợp đồng mở TKCK.

5.2 Lệnh của Khách hàng phải có đủ thông tin bắt buộc theo quy định của pháp luật và AIS.

5.3 Khách hàng là pháp nhân có trách nhiệm tuân thủ quy định nội bộ của mình khi lập và gửi lệnh (cả về nội dung và thủ tục). Khi nhận được lệnh của Khách hàng, AIS được mặc nhiên coi rằng Khách hàng đã tuân thủ quy định nội bộ của mình.

5.4 Nếu nhận được lệnh và tin tưởng trên tinh thần thiện chí lệnh đó là thật và được ký bởi chính Khách hàng (hoặc người được Khách hàng ủy quyền đã đăng ký với AIS) thì AIS có quyền thực hiện lệnh đó. Nếu AIS không thể xác minh được chữ ký trên lệnh của Khách hàng so với chữ ký mẫu của Khách hàng sau khi đã thực hiện mọi thủ tục xác minh hợp lý thì AIS có quyền không thực hiện lệnh. Nếu AIS có lý do hợp lý để nghi ngờ chữ ký trên lệnh không phải là chữ ký Khách hàng (hoặc người được Khách hàng ủy quyền đã đăng ký với AIS) thì AIS có quyền trì hoãn thực hiện lệnh cho đến khi đã thực hiện xong việc xác thực cần thiết.

5.5 Nếu nhận được lệnh của Khách hàng mà người ký lệnh không phải là người đại diện đã đăng ký với AIS thì AIS có quyền yêu cầu Khách hàng đăng ký người đại diện bổ sung trước khi thực hiện lệnh.

5.6 Nếu AIS nhận được hai hay nhiều lệnh từ Khách hàng (theo cùng phương thức hoặc theo phương thức khác nhau) có nội dung mâu thuẫn nhau thì AIS được từ chối thực hiện lệnh đến sau nếu đã thực hiện xong lệnh đến trước hoặc chỉ thực hiện được một phần nhưng việc thực hiện lệnh đến sau, theo đánh giá hợp lý của AIS, là không phù hợp, không thể thực hiện được hoặc sẽ gây hoặc có nguy cơ gây thiệt hại cho AIS hoặc việc hủy lệnh đến trước là không thể thực hiện được trên thực tế.

5.7 AIS chỉ thực hiện lệnh của Khách hàng sau khi Khách hàng đã đáp ứng được các điều kiện theo quy định của pháp luật để lệnh có thể được thực hiện, kể cả có đủ tiền hoặc chứng khoán theo yêu cầu trên TKCK cho lệnh mua hoặc bán tương ứng.

5.8 AIS được từ chối thực hiện lệnh nếu lệnh đó được gửi đến khi đã quá khung thời gian thực hiện (xác định theo quy định của pháp luật hay quy chế của Sở giao dịch chứng khoán, VSD hoặc AIS) hoặc sau thời điểm chốt sổ (cut-off time) (xác định theo chính sách được AIS áp dụng trong từng thời kỳ và được công bố trên website của AIS).

5.9 Việc lập, gửi và thực hiện lệnh của Khách hàng phải tuân thủ chính sách, quy định và quy chế do AIS áp dụng trong từng thời kỳ, và được công bố trên website của AIS.

ĐIỀU A6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA KHÁCH HÀNG

Ngoài các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các phần khác của Bộ T&C và pháp luật, Khách hàng có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

Quyền:

- 6.1 Khách hàng là chủ sở hữu hợp pháp với toàn bộ số tiền và chứng khoán trên TKCK, được thực hiện các quyền hợp pháp của người sở hữu chứng khoán theo quy định của pháp luật.
- 6.2 Khách hàng được hưởng mức lãi suất theo quy định của AIS công bố trong từng thời kỳ đối với số dư tiền có trên TKCK.
- 6.3 Phụ thuộc vào Khoản 7.2 Điều A7 dưới đây, Khách hàng được rút/chuyển một phần hoặc toàn bộ tiền, chứng khoán ra khỏi TKGDKK khi không có nhu cầu giao dịch hoặc khi chấm dứt Hợp đồng mở TKCK với điều kiện tiền và chứng khoán đó không bị ràng buộc, hạn chế bởi các nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào với AIS/hoặc với bất kỳ bên thứ ba nào có liên quan hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
- 6.4 Khách hàng có quyền yêu cầu AIS xuất hóa đơn tài chính theo đúng quy định pháp luật. Khách hàng cần liên hệ với AIS trong giờ hành chính vào các ngày giao dịch tương ứng (nếu muốn cấp hóa đơn tài chính theo ngày) hoặc vào ngày giao dịch cuối cùng của tháng (nếu muốn cấp hóa đơn tài chính theo tháng). Nếu Khách hàng không yêu cầu cụ thể, AIS sẽ gộp phí dịch vụ của Khách hàng vào tổng mức phí dịch vụ của AIS (của tất cả khách hàng phát sinh trong tháng) và/hoặc phần lãi vay của Khách hàng vào tổng mức lãi vay của AIS (của tất cả khách hàng phát sinh trong tháng) và xuất hóa đơn tài chính chung cho từng tháng giao dịch vào ngày giao dịch cuối cùng của tháng tương ứng.

Nghĩa Vụ:

- 6.5 Khách hàng có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ và trung thực các thông tin về Khách hàng theo yêu cầu tại Hợp đồng mở TKCK, cam đoan và cam kết thông tin đã cung cấp là đúng sự thật và phải thông báo cho AIS khi phát sinh những thay đổi có liên quan. Khách hàng phải chịu mọi trách nhiệm, rủi ro hoặc thiệt hại liên quan đến việc thay đổi thông tin mà không thông báo cho AIS. Các thông tin của Khách hàng trên TKCK sẽ đồng nhất với các thông tin trên TKGDKQ, TKGDPDS, các tài khoản, tiểu khoản khác mà AIS mở theo yêu cầu của Khách hàng. Khi các thông tin của TKCK có sự thay đổi đồng nghĩa với việc các thông tin tại các tài khoản, tiểu khoản khác cũng thay đổi tương ứng.
- 6.6 Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán các khoản phí môi giới, các khoản phí khác theo quy định của AIS và có trách nhiệm nộp các loại thuế, phí liên quan theo quy định của pháp luật. Khách hàng mặc nhiên chấp thuận việc AIS tự động khấu trừ vào tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng các khoản thuế, phí dịch vụ trước hoặc ngay khi AIS cung cấp dịch vụ theo biểu phí của AIS.
- 6.7 Nếu Khách hàng không thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ phát sinh với AIS theo Hợp đồng mở TKCK và các thỏa thuận khác có liên quan, Khách hàng đương nhiên và tự nguyện chấp thuận để AIS có toàn quyền và tự động phong tỏa, xử lý các tài sản trên TKCK và các tài sản khác (nếu có) để khấu trừ/ thực hiện các nghĩa vụ còn lại của Khách hàng mà không có bất kỳ khiếu kiện, yêu cầu và/hoặc phản đối nào đối với AIS.
- 6.8 Khách hàng tự chịu rủi ro đối với mọi quyết định sử dụng TKCK, tiền hay tài sản trên TKCK (Khách hàng hiểu rằng AIS không đưa ra bất kỳ cam kết hay bảo đảm nào (dù rõ ràng hay ngụ ý) về bảo toàn vốn đầu tư của Khách hàng hay khả năng sinh lợi của vốn đầu tư).
- 6.9 Khách hàng có nghĩa vụ tuân thủ quy định của pháp luật, quy chế/quy định của VSD, SGDKK và quy chế/quy định của AIS có liên quan trong việc mở và sử dụng TKCK, tiền và tài sản trên TKCK.
- 6.10 Khách hàng phải bảo đảm tính hợp pháp về số tiền và chứng khoán Khách hàng sở hữu.
- 6.11 Khách hàng có nghĩa vụ ký/xác nhận công nợ với AIS khi có yêu cầu từ bên thứ ba và/hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 6.12 Khách hàng có trách nhiệm công bố thông tin đối với các giao dịch mua bán chuyển nhượng trên TKCK của Khách hàng theo quy định pháp luật, bao gồm nhưng không hạn chế bởi các trường hợp Khách hàng tự bán chứng khoán hoặc AIS thực hiện lệnh bán giải chấp chứng khoán ký quỹ hoặc bán chứng khoán cầm cố.
- 6.13 Khách hàng có nghĩa vụ thông báo tới AIS các giao dịch mà Khách hàng là người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ theo quy định pháp luật.

ĐIỀU A7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA AIS

Ngoài các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các phần khác của Bộ T&C và pháp luật, AIS có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

Quyền:

- 7.1 AIS được thu phí/giá dịch vụ từ Khách hàng theo mức phí/giá đã công bố cho Khách hàng.
- 7.2 AIS được tạm khóa/phong tỏa một phần hoặc toàn bộ một hoặc một số TKCK:
 - (a) Theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
 - (b) Theo thỏa thuận giữa Khách hàng và AIS; hoặc
 - (c) Theo yêu cầu của chính Khách hàng.
- 7.3 AIS được phép yêu cầu ngân hàng nơi Khách hàng mở tài khoản tiền giao dịch chứng khoán trích số dư tiền trên tài khoản tiền để thực hiện thanh toán các lệnh mua, thanh toán các khoản phí, thuế cho các lệnh mua/bán chứng khoán đã được thực hiện của Khách hàng.
- 7.4 AIS được ghi tăng/ghi giảm chứng khoán trên TKCK để thực hiện thanh toán theo lệnh mua/bán của Khách hàng đã được thực hiện.

- 7.5 AIS chỉ có trách nhiệm thực hiện các giao dịch chứng khoán theo yêu cầu của Khách hàng và không chịu trách nhiệm về các quyết định giao dịch chứng khoán của Khách hàng.
- 7.6 AIS có quyền tạm ngừng/chấm dứt/từ chối việc mở TKCK, đăng ký sử dụng dịch vụ trên TKCK, đóng/đình chỉ hoạt động của TKCK hoặc hủy bỏ dịch vụ Khách hàng đã đăng ký phù hợp với quy định của Hợp đồng mở TKCK, quy định của AIS và của pháp luật hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 7.7 AIS có quyền khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào trên TKCK để thanh toán cho phần nghĩa vụ mà Khách hàng phải thực hiện với AIS, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc với bên thứ ba phối hợp cùng AIS để cung cấp dịch vụ cho Khách hàng.
- 7.8 AIS được cung cấp thông tin liên quan đến TKCK và thực hiện các giao dịch khác theo ủy quyền của Khách hàng hoặc theo quy định của pháp luật tới các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi được yêu cầu.

Nghĩa Vụ:

- 7.9 AIS phải quản lý tách bạch tiền gửi/tài sản của Khách hàng với tiền gửi/tài sản của Khách hàng khác và với tiền/tài sản của chính AIS.
- 7.10 AIS phải công bố mức phí/giá dịch vụ giao dịch chứng khoán trước khi Khách hàng thực hiện giao dịch.
- 7.11 AIS có nghĩa vụ cập nhật thông tin thay đổi của Khách hàng liên quan đến TKCK khi Khách hàng có yêu cầu.
- 7.12 AIS phải tuân thủ quy định của pháp luật, quy chế hay quy định có liên quan trong việc cung ứng dịch vụ cho Khách hàng liên quan đến TKCK.
- 7.13 AIS không được sử dụng tiền và chứng khoán của Khách hàng nếu không được phép của Khách hàng, trừ trường hợp pháp luật quy định hoặc các bên có thỏa thuận khác.
- 7.14 AIS có nghĩa vụ thông báo thông tin về chứng khoán, thông tin về thực hiện quyền phát sinh từ chứng khoán và các thông báo khác trên website chính thức của AIS và/hoặc các phương thức khác do AIS lựa chọn phù hợp với quy định của pháp luật.
- 7.15 AIS có nghĩa vụ thông báo kết quả khớp lệnh cho Khách hàng.

ĐIỀU A8. THÔNG TIN LIÊN LẠC

- 8.1 Khách hàng có thể gửi thông tin, thông báo cho AIS bằng cách chuyển tận tay hoặc qua dịch vụ chuyển phát của bên thứ ba (kể cả bưu chính hay chuyển phát) đến trụ sở, chi nhánh, phòng giao dịch hay điểm giao dịch được phép khác của AIS theo địa chỉ tương ứng được công bố trên website của AIS trong từng thời kỳ.
- 8.2 AIS có thể gửi thông tin, thông báo cho Khách hàng bằng cách chuyển tận tay hoặc qua dịch vụ chuyển phát đến địa chỉ ghi trên Hợp đồng mở TKCK hoặc địa chỉ khác đã được Khách hàng đăng ký thay đổi và lưu trong hệ thống của AIS. AIS cũng có thể gửi thông tin, thông báo cho Khách hàng bằng cách gọi điện (có ghi âm) hoặc gửi tin nhắn (SMS) đến Số điện thoại và qua Thư điện tử.
- 8.3 Một thông tin/thông báo (nếu có) được xem là đã gửi thành công:
 - (a) Nếu gọi điện, tại thời điểm cuộc gọi kết thúc thành công và được ghi âm;
 - (b) Nếu gửi qua tin nhắn (SMS), khi người gửi nhận được thông báo của nhà cung cấp dịch vụ chuyển tin nhắn rằng tin nhắn đã được gửi (delivered) thành công;
 - (c) Nếu gửi qua thư điện tử, khi thư điện tử có liên quan được gửi vào đúng địa chỉ thư điện tử người nhận và thư điện tử đã được lưu vào mục "Thư đi" (Sent) trong hòm thư của người gửi và trong vòng 24h từ thời điểm thư điện tử đó được lưu, người gửi không nhận được thông báo tự động nào về việc thư điện tử đó không được gửi thành công; và
 - (d) Nếu được gửi qua dịch vụ chuyển phát, tại thời điểm xác nhận nhận được gói bưu kiện đựng thông báo có liên quan.
- 8.4 AIS và Khách hàng có thể gửi thông tin, thông báo cho nhau qua Hệ thống giao dịch điện tử. Cách thức gửi và thời điểm nhận được thông tin, thông báo sẽ theo quy định của Phần C "Thỏa Thuận Giao Dịch Điện Tử".

ĐIỀU A9. SỬA ĐỔI

- 9.1 Hợp đồng mở TKCK (gồm cả Bộ T&C) có thể được sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản được ký giữa AIS và Khách hàng (theo cách thức truyền thống hoặc theo phương thức giao dịch điện tử).
- 9.2 Hợp đồng mở TKCK cũng có thể được sửa đổi theo một trong các cách thức sau:
 - (a) Theo thông báo của AIS hoặc công bố trên website của AIS và Khách hàng tiếp tục sử dụng dịch vụ có liên quan tại AIS; hoặc
 - (b) Theo thông báo của AIS và Khách hàng gửi chấp thuận hoặc không gửi phản đối trong thời gian nêu trong thông báo đó.

Việc sửa đổi theo các cách trên có giá trị và hiệu lực như sửa đổi theo cách nêu tại Khoản 9.1 trên đây.

ĐIỀU A10. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

- 10.1 AIS phải bồi thường cho Khách hàng đối với thiệt hại/tổn thất mà Khách hàng thực tế gánh chịu phát sinh trực tiếp từ việc AIS có hành vi vi phạm Hợp đồng mở TKCK một cách chủ ý hoặc lừa dối.
- 10.2 Khách hàng phải bồi thường và bồi hoàn cho AIS (hoặc bên thứ ba do AIS chỉ định) đối với thiệt hại/tổn thất mà AIS (hoặc bên đó) thực tế gánh chịu phát sinh trực tiếp từ việc Khách hàng sử dụng TKCK và dịch vụ tại AIS hoặc Khách hàng vi phạm pháp luật, vi phạm Hợp đồng mở TKCK hoặc có hành vi lừa dối.
- 10.3 AIS được miễn trách nhiệm với Khách hàng nếu không thực hiện một hành động mà theo đánh giá của AIS, việc thực hiện hành động đó sẽ dẫn đến vi phạm pháp luật.
- 10.4 AIS không phải chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm pháp luật của Khách hàng. AIS cũng không phải chịu trách nhiệm do hành vi của bất kỳ bên thứ ba nào mà không phải là đại diện của AIS.
- 10.5 Khách hàng hiểu rằng mình phải tự quyết định đầu tư và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đó của mình (ý kiến của nhân viên môi giới, nhân viên tư vấn đầu tư (nếu có) chỉ có ý nghĩa tham khảo).
- 10.6 Khi Khách hàng hoặc người được Khách hàng ủy quyền ký tên vào lệnh, Khách hàng mặc nhiên thừa nhận đã cân nhắc kỹ lưỡng trước khi yêu cầu AIS thực hiện lệnh.
- 10.7 Khách hàng mặc nhiên công nhận và chấp thuận kết quả giao dịch do AIS thực hiện theo lệnh của Khách hàng hoặc của người được Khách hàng ủy quyền theo cách thức đặt lệnh được các bên thoả thuận tại Hợp đồng mở TKCK. Nếu Khách hàng ủy quyền cho người khác giao dịch bằng các hình thức ủy quyền theo quy định của pháp luật thì các giao dịch được thực hiện bởi người được Khách hàng ủy quyền được coi là giao dịch của chính Khách hàng.
- 10.8 Khách hàng và người ủy quyền hợp pháp của Khách hàng có trách nhiệm theo dõi và tự mình kiểm tra tình trạng giao dịch, số dư tiền, số dư chứng khoán trên TKCK và chủ động theo dõi biến động giá chứng khoán trên thị trường. Nếu có thắc mắc liên quan tới TKCK, giao dịch đã được thực hiện cũng như những dịch vụ do AIS cung cấp (kể cả sai sót, giao dịch trái thẩm quyền) thì Khách hàng phải gửi yêu cầu bằng văn bản tới AIS trong vòng 24h kể từ ngày phát sinh giao dịch hoặc từ ngày diễn ra sự thay đổi trên TKCK của Khách hàng. Sau thời hạn này, nếu Khách hàng không có bất kỳ phản đối nào, Khách hàng được xem là mặc nhiên xác nhận các giao dịch, số dư tiền và chứng khoán của Khách hàng trên TKCK. AIS không có trách nhiệm đối với các giao dịch nào được thực hiện trên TKCK ngoại trừ các giao dịch mà Khách hàng đã thực hiện theo đúng Hợp đồng mở TKCK và đã được xác minh là có sai sót, gian lận hoặc giao dịch trái thẩm quyền do lỗi của AIS.
- 10.9 Khách hàng cam đoan rằng nội dung và việc ký Hợp đồng mở TKCK đã được phê duyệt đầy đủ và hợp lệ bởi các cơ quan/cấp có thẩm quyền nội bộ của Khách hàng và người ký đại diện cho Khách hàng trên các hồ sơ giao dịch là người đại diện hợp pháp của Khách hàng.
- 10.10 Khách hàng có trách nhiệm thông báo cho AIS các thông tin về việc trở thành/không còn là cổ đông nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng và/hoặc thực hiện công bố thông tin theo quy định đối với các trường hợp cần thực hiện công bố thông tin trong quá trình giao dịch chứng khoán tại AIS.
- 10.11 Trong mọi trường hợp, Khách hàng cam đoan đã và sẽ tìm hiểu, nắm bắt và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật và của AIS liên quan đến việc giao dịch chứng khoán, sử dụng tài khoản chứng khoán của Khách hàng và các quy định về phòng chống rửa tiền.

ĐIỀU A11. HIỆU LỰC; CHẤM DỨT VÀ THANH LÝ

- 11.1 Hợp đồng mở TKCK có hiệu lực từ ngày ký.
- 11.2 Hợp đồng mở TKCK có thể bị chấm dứt theo thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên. Trong trường hợp này, quyền và nghĩa vụ của các bên khi Hợp đồng mở TKCK bị chấm dứt sẽ theo thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên.
- 11.3 AIS có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng mở TKCK trong các trường hợp sau:
 - (a) Khách hàng vi phạm pháp luật trong việc mở/sử dụng TKCK hoặc dịch vụ tại AIS mà theo đánh giá của AIS vi phạm đó gây hoặc có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến mình;
 - (b) AIS phải chấm dứt Hợp đồng mở TKCK theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền;
 - (c) Khách hàng vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng mở TKCK hoặc quy định của AIS trong quá trình sử dụng TKCK và vi phạm đó không được khắc phục trong vòng 15 (mười lăm) ngày từ ngày Khách hàng nhận được thông báo bằng văn bản về vi phạm đó từ AIS;
 - (d) Khách hàng có hành vi lừa dối, kể cả cung cấp sai thông tin cho thủ tục “nhận biết Khách hàng” hoặc mở tài khoản;
 - (e) AIS đề xuất sửa đổi Hợp đồng mở TKCK mà Khách hàng không đồng ý;
 - (f) AIS ngừng thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán;
 - (g) AIS ngừng kinh doanh chứng khoán; hoặc
 - (h) AIS thực hiện tổ chức lại doanh nghiệp dẫn đến dừng hoạt động và tổ chức được hình thành từ việc tổ chức lại không kế thừa quyền và nghĩa vụ của AIS theo Hợp đồng mở TKCK.

AIS thực hiện quyền đơn phương này bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Khách hàng. Hợp đồng mở TKCK sẽ chấm dứt vào ngày ghi trên thông báo đó với điều kiện là ngày chấm dứt không được sớm hơn 10 ngày từ ngày gửi thông báo.

11.4 Khách hàng có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng mở TKCK nếu AIS vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng mở TKCK và vi phạm đó không được khắc phục trong vòng 15 (mười lăm) ngày từ ngày AIS nhận được thông báo bằng văn bản về vi phạm đó từ Khách hàng. Khách hàng thực hiện quyền đơn phương này bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho AIS. Hợp đồng mở TKCK sẽ chấm dứt vào ngày ghi trên thông báo đó với điều kiện là ngày chấm dứt không được sớm hơn 10 ngày từ ngày gửi thông báo.

Khách hàng cũng có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng mở TKCK vì bất kỳ lý do nào khác bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho AIS. Hợp đồng mở TKCK sẽ chấm dứt vào ngày ghi trên thông báo đó với điều kiện là ngày chấm dứt không được sớm hơn 30 ngày từ ngày gửi thông báo.

11.5 Cho dù Hợp đồng mở TKCK này chấm dứt trong bất kỳ tình huống nào trên đây, các bên sẽ cùng nhau tiến hành thủ tục thanh lý để cho phép:

- (a) AIS chuyển giao tiền và tài sản còn trên TKCK (sau khi đã khấu trừ các loại thuế, phí và nghĩa vụ còn tồn đọng với AIS hoặc bên thứ ba (thông qua AIS));
- (b) Khách hàng thanh toán đủ các khoản phí, chi phí và thuế còn tồn đọng (nếu có) liên quan đến TKCK; và
- (c) AIS đóng TKCK.

11.6 Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, việc chấm dứt Hợp đồng mở TKCK không làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các bên phát sinh trước thời điểm chấm dứt. Các quy định tại Điều A12 vẫn tiếp tục áp dụng sau khi Hợp đồng mở TKCK chấm dứt.

ĐIỀU A12. BẢO MẬT & SỬ DỤNG THÔNG TIN

12.1 Mỗi bên có trách nhiệm bảo mật việc ký và nội dung Hợp đồng mở TKCK và chỉ được tiết lộ (i) khi được bên kia chấp thuận trước, (ii) nhằm tuân thủ pháp luật hoặc yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc giải quyết tranh chấp hoặc (iii) nhằm phục vụ việc tuân thủ nội bộ và vận hành của AIS.

12.2 Khách hàng đồng ý và cho phép AIS lưu giữ và xử lý thông tin về Khách hàng (trong đó có thông tin về tài khoản, tài sản và giao dịch) mà AIS nhận được liên quan đến hoặc theo Hợp Đồng này, giao dịch giữa Khách hàng và AIS hay giao dịch giữa Khách hàng và bên thứ ba qua hệ thống/dịch vụ của AIS (gọi chung là "thông tin"). AIS sẽ lưu giữ thông tin ở chế độ bảo mật và chỉ tiết lộ trong phạm vi cho phép bởi Hợp đồng mở TKCK.

12.3 Khách hàng đồng ý và cho phép AIS sử dụng, lưu trữ, chia sẻ, gửi đi (kể cả ra bên ngoài địa điểm kinh doanh của AIS) và trao đổi thông tin với người khác mà AIS thấy cần thiết:

- (a) Nhằm cung cấp dịch vụ cho Khách hàng (gồm cả cho VSD, các SGDCK, đối tác giao dịch của Khách hàng và bên thứ ba cung cấp dịch vụ/sản phẩm cho Khách hàng phụ trợ cho dịch vụ của AIS);
- (b) Nhằm hỗ trợ hay tạo điều kiện cho Khách hàng sử dụng sản phẩm/dịch vụ của bên thứ ba qua AIS;
- (c) Để tuân thủ pháp luật Việt Nam;
- (d) Liên quan đến hoạt động hợp pháp của AIS nhằm tăng chất lượng dịch vụ/trải nghiệm cho Khách hàng nói chung (trong đó có hoạt động chấm điểm tín dụng (credit scoring), phân tích thị trường, nghiên cứu và phân tích nhu cầu Khách hàng và các mục đích vận hành và quản trị khác);
- (e) Nhằm thực hiện nghĩa vụ của AIS với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (kể cả nhằm báo cáo hoặc cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền); và
- (f) Nhằm mục đích kiểm soát rủi ro.

Khi cung cấp thông tin cho bên thứ ba (ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật, VSD, các SGDCK hay cơ quan Nhà nước có thẩm quyền), AIS sẽ nỗ lực để bảo đảm bên thứ ba cũng phải bảo mật thông tin.

12.4 Khách hàng đồng ý và cho phép AIS (trong phạm vi không bị pháp luật cấm) thuê bên thứ ba cung cấp dịch vụ xử lý dữ liệu và thực hiện giao dịch, dịch vụ báo cáo, lưu ký, giám sát, quản lý rủi ro và các dịch vụ khác được phép. Khách hàng đồng ý và cho phép AIS tiết lộ thông tin cho bên thứ ba đó trong phạm vi AIS cho là cần thiết trên cơ sở bên thứ ba cũng phải bảo mật thông tin.

ĐIỀU A13. LUẬT ĐIỀU CHỈNH

Hợp đồng mở TKCK được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU A14. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng mở TKCK sẽ được giải quyết trước hết bằng thương lượng. Nếu tranh chấp không giải quyết được bằng thương lượng trong vòng 30 (ba mươi) ngày từ ngày bắt đầu thương lượng, bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa tranh chấp ra giải quyết tại tòa án có thẩm quyền của Việt Nam.

PHẦN B: QUY ĐỊNH VỀ ỨNG TRƯỚC TIỀN BÁN CHỨNG KHOÁN

ĐIỀU B1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong Phần B này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- 1.1 “**Lệnh bán**” là lệnh do Khách hàng lập và gửi cho AIS để bán chứng khoán.
- 1.2 “**Khớp lệnh**” là việc Lệnh Bán được đưa vào hệ thống giao dịch của SGDCK và đã được khớp thành công.
- 1.3 “**Tiền bán chứng khoán**” là số tiền Khách hàng sẽ được nhận từ việc bán chứng khoán theo Lệnh Bán có liên quan và đã được AIS xác nhận là giao dịch khớp lệnh thành công.
- 1.4 “**Phí ứng trước**” là khoản phí Khách hàng phải trả cho AIS do sử dụng dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán theo biểu phí do AIS quy định trong từng thời kỳ.
- 1.5 “**Số tiền ứng trước**” là số tiền AIS chuyển vào TKCK trên cơ sở yêu cầu ứng trước của Khách hàng.

ĐIỀU B2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Phần B này áp dụng cho việc ứng trước tiền bán chứng khoán trên toàn bộ TKCK (kể cả tài khoản giao dịch chứng khoán thông thường và tài khoản giao dịch chứng khoán ký quỹ).

ĐIỀU B3. ĐIỀU KIỆN VÀ CÁCH THỨC THỰC HIỆN

- 3.1 Khi đăng ký mở TKCK, Khách hàng mặc định đồng ý sử dụng dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của AIS. Trên cơ sở yêu cầu của Khách hàng (đã được lập phù hợp), AIS có quyền nhưng không có nghĩa vụ ứng trước tiền bán chứng khoán cho Khách hàng.
- 3.2 AIS có thể tự động ứng trước tiền bán chứng khoán trên TKCK nếu Khách hàng có nghĩa vụ tài chính đến hạn với AIS, kể cả nghĩa vụ phải thanh toán trên tài khoản giao dịch chứng khoán ký quỹ hay tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh (nếu có).
- 3.3 Trong mọi trường hợp, Số tiền ứng trước không vượt quá Tiền bán chứng khoán trừ phí giao dịch, Phí ứng trước, thuế và phí khác theo quy định pháp luật (nếu có).
- 3.4 Bằng việc gửi yêu cầu ứng trước tiền bán chứng khoán và phụ thuộc vào việc được AIS ứng trước theo yêu cầu đó, Khách hàng chuyển giao vô điều kiện cho AIS quyền nhận Tiền bán chứng khoán có liên quan. AIS được nhận Tiền bán chứng khoán để bù trừ nghĩa vụ Khách hàng hoàn trả cho AIS toàn bộ Số tiền ứng trước và Phí ứng trước.

ĐIỀU B4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA KHÁCH HÀNG

- 4.1 Khách hàng có quyền gửi yêu cầu ứng trước tiền bán chứng khoán khi đáp ứng điều kiện như đã nêu tại Điều B3.
- 4.2 Khách hàng đồng ý để AIS được tự động khấu trừ tiền từ TKCK để hoàn trả toàn bộ Số tiền ứng trước và Phí ứng trước. Khách hàng cam kết không đưa ra khiếu nại, khiếu kiện về việc AIS khấu trừ tiền từ TKCK như vậy.
- 4.3 Nếu kết quả khớp lệnh bị hủy thanh toán theo thông báo của VSD vì bất kỳ lý do nào thì Khách hàng phải hoàn trả lại cho AIS toàn bộ Số tiền ứng trước cùng với phí, lệ phí phát sinh đến thời điểm hoàn trả theo quy định của AIS.

ĐIỀU B5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA AIS

- 5.1 AIS được tự động khấu trừ TKCK để thực hiện nghĩa vụ của Khách hàng liên quan đến việc ứng trước tiền bán chứng khoán mà không cần có lệnh hay chấp thuận của Khách hàng.
- 5.2 AIS được đơn phương ngưng cung cấp dịch vụ cho Khách hàng nếu AIS xét thấy việc cung cấp dịch vụ có thể gây rủi ro, tổn thất cho AIS hoặc việc cung cấp dịch vụ không phù hợp với chính sách, điều kiện hoạt động của AIS.

ĐIỀU B6. QUY ĐỊNH KHÁC

Tùy từng thời kỳ, dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán có thể thực hiện qua nguồn của AIS hoặc bên thứ ba. Khách hàng đồng ý rằng nếu việc ứng trước thực hiện qua nguồn của bên thứ ba, ngoài việc tuân thủ Phần B này, Khách hàng cũng sẽ tuân thủ quy định của bên thứ ba đó về việc ứng trước tiền bán chứng khoán.

PHẦN C: THỎA THUẬN GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ

ĐIỀU C1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong Phần C này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- 1.1 **Chấp thuận điện tử:** Là chấp thuận, phê duyệt, cho phép, đồng ý hoặc tương đương do Khách hàng lập và gửi qua Hệ thống giao dịch điện tử, từ Số điện thoại hoặc từ Thư điện tử. Chấp thuận điện tử có thể được thể hiện bằng lời nói và được Khách hàng lập bằng việc gọi điện đến Tổng đài giao dịch qua điện thoại (có ghi âm).
- 1.2 **Chữ ký số:** Là chữ ký số (hay còn gọi là chữ ký điện tử) theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
- 1.3 **Hệ thống giao dịch điện tử:** Là tập hợp các Ứng dụng thiết bị điện tử, Web, Tổng đài giao dịch qua điện thoại và hệ thống khác được AIS sử dụng để cho phép Khách hàng truy cập vào TKCK và thực hiện các Thao tác/giao dịch trên hệ thống thông qua mạng Internet hoặc qua điện thoại.
- 1.4 **Mật khẩu:** Là tên truy cập (user), tên định danh (identification), mật khẩu dùng nhiều lần, mật khẩu dùng một lần (one-time password - OTP), khóa token (token key), mã xác thực (authentication code), mã PIN (personal identification number), đặc điểm sinh trắc học (vân tay, mống mắt hay khuôn mặt) và phương thức/thông điệp xác thực khác cấp cho Khách hàng hoặc Khách hàng tạo, chọn hay đăng ký sử dụng liên quan đến TKCK.

- 1.5 **Hợp đồng điện tử:** Là hợp đồng, thỏa thuận, cam kết, bản ghi nhớ, phụ lục hợp đồng hoặc tương đương được thể hiện dưới hình thức trao đổi dữ liệu điện tử và được ký, ký kết và chuyển giao thông qua Hệ thống giao dịch điện tử (trừ Tổng đài giao dịch qua điện thoại).
- 1.6 **Lệnh điện tử:** Là lệnh do Khách hàng lập gửi qua Hệ thống giao dịch điện tử. Lệnh điện tử có thể được thể hiện bằng lời nói và được Khách hàng lập bằng việc gọi điện đến Tổng đài giao dịch qua điện thoại (có ghi âm). Lệnh điện tử có thể được thể hiện qua một thao tác hoặc chuỗi thao tác trên Hệ thống giao dịch điện tử (ví dụ lệnh chuyển tiền có thể được thiết lập trên cơ sở thao tác chuyển tiền trên TKCK).
- 1.7 **Thao tác/giao dịch trên hệ thống** gồm:
- (a) Truy cập, xem và kiểm tra thông tin và các thao tác khác trên TKCK;
 - (b) Gửi, nhận, xem và đọc Thông điệp dữ liệu;
 - (c) Tạo lập và/hoặc gửi/xác nhận Lệnh điện tử;
 - (d) Tạo lập và/hoặc gửi/xác nhận Chấp thuận điện tử;
 - (e) Xem, từ chối hay ký kết Hợp đồng điện tử; và
 - (f) Các thao tác khác có trên Hệ thống giao dịch điện tử.
- 1.8 **Thông điệp dữ liệu:** Là thông tin liên lạc, thông báo, báo cáo danh mục, báo cáo đầu tư, báo cáo phân tích, báo cáo thuộc loại khác, sao kê tài khoản, sao kê giao dịch, bản công bố thông tin, bản cáo bạch, tuyên bố và thông điệp thuộc loại khác dưới dạng thông điệp dữ liệu (điện tử) được gửi qua Hệ thống giao dịch điện tử, qua điện thoại hoặc tin nhắn (SMS) đến Số điện thoại và/hoặc qua Thư điện tử.
- 1.9 **Tổng đài giao dịch qua điện thoại:** Là hệ thống tổng đài điện thoại có chức năng ghi âm, quản lý, tra cứu cuộc gọi và có dự phòng của AIS.
- 1.10 **Ứng dụng thiết bị điện tử:** Là ứng dụng (application), phần mềm (software) do AIS hoặc đối tác của AIS sở hữu hoặc được cấp quyền sử dụng và phát hành trên website của AIS, Google Play Store, App Store hoặc kho ứng dụng/phần mềm khác để Khách hàng tải về và cài đặt trên điện thoại, máy tính (computer) hay thiết bị điện tử khác nhằm truy cập vào TKCK và thực hiện một số hoặc tất cả Thao tác/giao dịch trên hệ thống thông qua mạng Internet.

ĐIỀU C2. ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH

Phần C này điều chỉnh việc Khách hàng sử dụng Hệ thống giao dịch điện tử để (i) nhận, đọc và gửi Thông điệp dữ liệu; (ii) đưa ra và gửi Lệnh điện tử; (iii) đưa ra và gửi Chấp thuận điện tử; (iv) ký kết và chuyển giao Hợp đồng điện tử và (v) thực hiện các Thao tác/giao dịch trên hệ thống khác. Phần C này cũng điều chỉnh việc sử dụng Số điện thoại và Thư điện tử cho một số mục đích nhất định.

ĐIỀU C3. QUAN HỆ VỚI THỎA THUẬN KHÁC

Phần C này bổ sung cho các hợp đồng, thỏa thuận khác giữa AIS và Khách hàng trong phạm vi liên quan đến đối tượng điều chỉnh của Phần C này. Nếu có sự không thống nhất giữa Phần C này và bất kỳ hợp đồng, thỏa thuận nào liên quan đến đối tượng điều chỉnh của Phần C này thì Phần C này sẽ được ưu tiên áp dụng.

ĐIỀU C4. HỆ THỐNG GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ

- 4.1 Ứng dụng thiết bị điện tử, Hệ Thống Website, Tổng đài giao dịch qua điện thoại hay hệ thống khác thuộc Hệ thống giao dịch điện tử sẽ là ứng dụng, phần mềm hay hệ thống được AIS công bố công khai trên trang thông tin điện tử của mình hoặc theo cách khác trong từng thời kỳ hoặc được ghi trên Hợp đồng mở TKCK.
- 4.2 Khi tải và cài đặt Ứng dụng thiết bị điện tử, Website hay sử dụng hệ thống khác thuộc Hệ thống giao dịch điện tử và thực hiện việc truy cập vào TKCK, Khách hàng mặc nhiên chấp nhận việc sử dụng ứng dụng, phần mềm hay hệ thống đó như là một phần của Hệ thống giao dịch điện tử cho các mục đích được quy định trong Phần C này.
- 4.3 Trừ khi các bên có thỏa thuận khác trong phần khác của Hợp đồng mở TKCK, bằng Phần C này, Khách hàng đồng ý sử dụng Tổng đài giao dịch qua điện thoại để đặt/gửi một số Lệnh điện tử và Chấp thuận điện tử và thực hiện một số Thao tác/giao dịch trên hệ thống giới hạn khác liên quan đến TKCK. Trừ trường hợp được AIS đồng ý khác đi, mọi Thao tác/giao dịch trên hệ thống của Khách hàng qua Tổng đài giao dịch qua điện thoại phải được thực hiện từ Số điện thoại.
- 4.4 Khi Khách hàng lựa chọn bất kỳ phím/nút chức năng trên Hệ thống giao dịch điện tử, Khách hàng được coi là đã thể hiện ý chí của mình theo nội dung hiển thị trên phím/nút đó và chấp nhận sự ràng buộc bởi lựa chọn đó. Ví dụ, nếu Khách hàng lựa chọn phím “Đồng ý” (hay “Agree”), “Ký” (hay “Sign”) hoặc “Xác nhận” (hay “Confirm”) ngay bên dưới một Hợp đồng điện tử thì Khách hàng được coi là đã ký kết Hợp đồng điện tử đó. Khách hàng cũng bị ràng buộc bởi bất kỳ thao tác nào khác mà Khách hàng thực hiện trên Hệ thống giao dịch điện tử, kể cả đặt/gửi Lệnh điện tử bằng cách gọi điện đến Tổng đài giao dịch qua điện thoại.

ĐIỀU C5. NHẬN VÀ GỬI THÔNG TIN

5.1 Nhận Thông Tin

- (a) Mọi Thông điệp dữ liệu từ AIS hoặc từ tổ chức/cá nhân khác thông qua AIS sẽ được coi là gửi hợp lệ cho Khách hàng nếu được gửi theo một trong các phương thức sau:

- (i) Gửi qua Hệ thống giao dịch điện tử đến địa chỉ là tên truy cập TKCK (trong trường hợp này, thời điểm Khách hàng nhận được Thông điệp dữ liệu là thời điểm ghi nhận trong Hệ thống giao dịch điện tử); hoặc
 - (ii) Gửi đến Thư điện tử (trong trường hợp này, thời điểm Khách hàng nhận được Thông điệp dữ liệu là khi thư có liên quan được gửi vào đúng địa chỉ Thư điện tử và thư gửi đã được lưu vào mục “Thư đi” (Sent) trong hộp thư của người gửi và trong vòng 24h kể từ thời điểm thư đó được lưu, người gửi không nhận được thông báo tự động nào về việc thư đó không được gửi thành công).
- (b) Mật khẩu mà AIS cấp cho Khách hàng để thực hiện Thao tác/giao dịch trên hệ thống cũng có thể được gửi cho Khách hàng theo một trong các phương thức trên.
 - (c) AIS cũng có thể gửi thông báo cho Khách hàng bằng cách gọi điện đến Số điện thoại và có ghi âm. Thời điểm Khách hàng nhận được thông báo là khi cuộc gọi kết thúc. Nếu thông báo đã được truyền tải bằng cách gọi điện phải được lập bằng văn bản (theo thỏa thuận hoặc theo yêu cầu của pháp luật) thì sau khi gọi điện, AIS phải gửi Thông điệp dữ liệu chứa thông báo đó theo một trong các phương thức trên đây để Khách hàng lưu giữ.

5.2 Xem Và Đọc Thông Tin

Khách hàng có thể xem và đọc Thông điệp dữ liệu hiển thị trên Hệ thống giao dịch điện tử thay cho việc AIS cung cấp tài liệu in trực tiếp để Khách hàng xem và đọc. Việc Khách hàng xem và đọc Thông điệp dữ liệu hiển thị trên Hệ thống giao dịch điện tử như vậy có giá trị pháp lý như việc AIS cung cấp tài liệu in trực tiếp cho Khách hàng (trừ khi có sai sót trong nội dung hiển thị do lỗi kỹ thuật).

5.3 Gửi Thông Tin

Khách hàng có thể gửi Thông điệp dữ liệu cho AIS hay cho tổ chức/cá nhân khác thông qua AIS qua Hệ thống giao dịch điện tử (trừ Tổng đài giao dịch qua điện thoại). Thời điểm Khách hàng gửi đi là thời điểm được ghi nhận trong Hệ thống giao dịch điện tử.

5.4 Giá Trị Của Thông Tin

- (a) Thông tin trong Thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận giá trị pháp lý chỉ vì thông tin đó được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu;
- (b) Trường hợp pháp luật hay hợp đồng/thỏa thuận của các bên yêu cầu thông tin phải được thể hiện bằng văn bản thì Thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng yêu cầu này;
- (c) Thông điệp dữ liệu có giá trị như bản gốc; và
- (d) Thông điệp dữ liệu có giá trị làm chứng cứ và giá trị này không thể bị phủ nhận chỉ vì đó là một thông điệp dữ liệu.

ĐIỀU C6. GIAO KẾT, CHUYỂN GIAO VÀ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ

- 6.1 Hợp đồng điện tử có thể được ký kết trên Hệ thống giao dịch điện tử theo các thao tác ghi trên đó. Việc ký kết Hợp đồng điện tử qua Hệ thống giao dịch điện tử phải được xác thực theo quy định tại Điều C8.
- 6.2 Hợp đồng điện tử có thể được ký bằng Chữ ký số của một bên và Hợp đồng điện tử đã ký bằng Chữ ký số được coi là được chuyển giao hợp lệ nếu được gửi theo một trong các phương thức quy định tại Điều C5.
- 6.3 Việc ký kết Hợp đồng điện tử có thể theo một trong các hình thức sau:
 - (a) Ký kết toàn văn: Toàn văn Hợp đồng điện tử được hiển thị trên Hệ thống giao dịch điện tử và mỗi bên ký bằng thao tác chọn phím/nút chức năng trên Hệ thống giao dịch điện tử;
 - (b) Ký chấp nhận: Một bên gửi đề nghị giao kết hợp đồng và bên kia ký chấp nhận giao kết hợp đồng cũng bằng thao tác chọn phím/nút chức năng trên Hệ thống giao dịch điện tử hoặc bằng việc không phản đối đề nghị giao kết trong thời hạn nêu tại đề nghị giao kết; hoặc
 - (c) Hình thức khác được các bên thỏa thuận hoặc có sẵn trên Hệ thống giao dịch điện tử.
- 6.4 Thời điểm một bên ký kết Hợp đồng điện tử sẽ là thời điểm ghi nhận trên Hệ thống giao dịch điện tử hoặc hệ thống khác của AIS.
- 6.5 Hợp đồng điện tử được ký kết theo Điều C6 này có giá trị pháp lý đầy đủ và ràng buộc các bên ký kết như một hợp đồng, thỏa thuận được ký kết theo phương thức ký trực tiếp truyền thống. Giá trị pháp lý của Hợp đồng điện tử không thể bị phủ nhận chỉ vì hợp đồng đó được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu.

ĐIỀU C7. ĐẶT LỆNH VÀ GỬI CHẤP THUẬN ĐIỆN TỬ

- 7.1 Khách hàng có thể đặt Lệnh điện tử và gửi Chấp thuận điện tử qua Hệ thống giao dịch điện tử. Thời điểm Khách hàng đặt Lệnh điện tử hay gửi Chấp thuận điện tử là thời điểm được ghi nhận trong Hệ thống giao dịch điện tử.
- 7.2 Khách hàng có thể đặt/gửi Lệnh điện tử hay gửi Chấp thuận điện tử bằng cách gọi từ Số điện thoại đến Tổng đài giao dịch qua điện thoại. Mọi cuộc gọi của Khách hàng đến Tổng đài giao dịch qua điện thoại sẽ được ghi âm lưu trữ đầy đủ, đảm bảo an ninh thông tin và bảo mật dữ liệu. Nếu có yêu cầu của AIS hay pháp luật, sau khi gọi điện đến Tổng đài giao dịch qua điện thoại, Khách hàng phải gửi lệnh, văn bản chấp thuận được ký bằng tay hoặc Lệnh điện tử, Chấp thuận điện tử được đặt/gửi theo phương thức khác chứa đựng Lệnh điện tử, Chấp thuận điện tử được đặt hay đưa ra trong cuộc gọi.

- 7.3 Nếu Khách hàng đăng ký và được AIS chấp thuận (hoặc các bên có thỏa thuận), Khách hàng có thể đặt/gửi Lệnh điện tử hay gửi Chấp thuận điện tử từ Thư điện tử.
- 7.4 AIS chỉ phải thực hiện Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử được gửi hợp lệ từ Khách hàng sau khi thực hiện giải pháp xác thực quy định tại Điều C8 dưới đây.
- 7.5 Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử chỉ có giá trị nếu có đủ thông tin cần thiết theo yêu cầu của pháp luật và AIS.
- 7.6 Khách hàng đồng ý rằng việc gửi Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử có thể cấu thành giao kết Hợp đồng điện tử với AIS hay đối tác có liên quan.
- 7.7 Khách hàng đồng ý rõ ràng rằng khi Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử được đặt, gửi và chuyển cho AIS phù hợp với Điều C7 này:
- (a) Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đó có giá trị pháp lý và ràng buộc đầy đủ đối với Khách hàng;
 - (b) AIS được hành động theo Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đó (Khách hàng ủy quyền cho AIS toàn quyền thực hiện toàn bộ các giao dịch cần thiết, lập, ký thay các hợp đồng, thỏa thuận, phiếu lệnh các hóa đơn, chứng từ và các giấy tờ khác có liên quan trên TKCK của Khách hàng nhằm hành động theo Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử nêu trên; AIS sẽ hoàn thành việc lập, ký thay các hồ sơ, chứng từ có liên quan nêu trên trong vòng 03 (ba) ngày giao dịch từ ngày Khách hàng đặt Lệnh điện tử hay gửi Chấp thuận điện tử);
 - (c) Nếu AIS nhận được bất kỳ phiếu lệnh hay văn bản nào từ Khách hàng theo phương thức khác (ví dụ nộp trực tiếp) mà có nội dung khác với Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đã được gửi trước đó thì AIS vẫn được hành động theo Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử trừ khi AIS và Khách hàng đã thống nhất được việc hủy Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đó; và
 - (d) AIS không phải chịu trách nhiệm với Khách hàng về bất kỳ hành động hay không hành động nào mà AIS thực hiện theo Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đó (kể cả hành động chuyển tiền, bán chứng khoán mà AIS tiến hành dựa trên Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đó).

ĐIỀU C8. QUY ĐỊNH VỀ XÁC THỰC

- 8.1 Đối với việc giao kết Hợp đồng điện tử hay chấp nhận Lệnh điện tử/Chấp thuận điện tử, AIS sẽ áp dụng giải pháp xác thực có độ an toàn tối thiểu tương đương giải pháp xác thực hai yếu tố trở lên.
- 8.2 Khách hàng phải lựa chọn giải pháp xác thực do AIS cung cấp khi mở TKCK có liên quan và đăng ký sử dụng dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến/điện tử và được đăng ký lại giải pháp xác thực khi có nhu cầu. Nếu Khách hàng không đăng ký thì AIS được ấn định giải pháp xác thực áp dụng cho Khách hàng.
- 8.3 Hợp đồng điện tử chỉ được coi là giao kết bởi Khách hàng một khi được Khách hàng ký kết phù hợp với Điều C6 và tất cả thông tin do Khách hàng cung cấp theo giải pháp xác thực nêu trên đã được so khớp với thông tin Khách hàng đã đăng ký và lưu trong Hệ thống giao dịch điện tử hoặc thông tin được khởi tạo bởi Hệ thống giao dịch điện tử (áp dụng đối với thông tin xác thực là thông tin được khởi tạo bởi Hệ thống giao dịch điện tử và gửi cho Khách hàng như mật khẩu sử dụng một lần (OTP) hay mã xác nhận (authentication code)). Quy định này cũng áp dụng tương tự cho việc gửi và thực hiện Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử.
- 8.4 Trừ trường hợp pháp luật có yêu cầu rõ ràng, việc xác thực không áp dụng đối với Thông điệp dữ liệu.

ĐIỀU C9. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

9.1 Quyền Và Nghĩa Vụ Của AIS

- (a) AIS có trách nhiệm xây dựng Hệ thống giao dịch điện tử đáp ứng được yêu cầu của pháp luật để thực hiện giao dịch điện tử, giao dịch chứng khoán trực tuyến.
- (b) AIS phải lưu trữ thông tin, dữ liệu, văn bản, tài liệu liên quan đến Khách hàng (kể cả Thông điệp dữ liệu, Lệnh điện tử, Chấp thuận điện tử và Hợp đồng điện tử) theo đúng yêu cầu của pháp luật.
- (c) AIS có toàn quyền bổ sung, xóa bớt tính năng, điều chỉnh giao diện, thay đổi cấu trúc hoặc thực hiện bất kỳ điều chỉnh/thay đổi nào khác đối với Hệ thống giao dịch điện tử mà không cần thông báo cho Khách hàng (trừ trường hợp pháp luật yêu cầu phải thông báo) (trong trường hợp này, bằng việc tiếp tục sử dụng Hệ thống giao dịch điện tử đã được điều chỉnh/thay đổi như vậy, Khách hàng được coi là chấp nhận toàn bộ thay đổi/điều chỉnh đó).
- (d) AIS được thu phí cung cấp dịch vụ giao dịch điện tử qua Hệ thống giao dịch điện tử theo mức phí công khai trên trang thông tin điện tử của mình.
- (e) AIS không chịu trách nhiệm đối với Khách hàng về bất kỳ tổn thất, thiệt hại, chi phí, phí tổn hay trách nhiệm nào mà Khách hàng phải gánh chịu có liên quan đến Hệ thống giao dịch điện tử mà:
 - (i) Phát sinh do xảy ra sự kiện bất khả kháng;
 - (ii) Phát sinh do Khách hàng làm lộ Mật Khẩu hoặc thông tin truy cập TKCK; hoặc
 - (iii) Phát sinh không do lỗi của AIS đối với Phần C này hoặc pháp luật.

- (f) AIS cũng được miễn trách nhiệm đối với Khách hàng đối với bất kỳ tổn thất, thiệt hại, chi phí, phí tổn hay trách nhiệm nào mà Khách hàng phải gánh chịu có liên quan đến Hệ thống giao dịch điện tử do Thao tác/giao dịch trên hệ thống của Khách hàng bị sai sót, bị gián đoạn, bị cản trở hoặc bị chậm trễ do:
 - (i) Hệ thống xử lý, hệ thống đường truyền của AIS gặp trục trặc hay sự cố kỹ thuật;
 - (ii) Hệ thống thông tin liên lạc, đặt lệnh, chỉ thị và thực hiện lệnh, chỉ thị giữa Khách hàng và AIS bị lỗi, bị gián đoạn hoặc bị tạm dừng hoạt động;
 - (iii) Hệ thống thông tin liên lạc, đặt lệnh, chỉ thị và thực hiện lệnh, chỉ thị giữa AIS và bất kỳ bên thứ ba nào (kể cả SGDCK hay VSD) bị lỗi, bị gián đoạn hoặc bị tạm dừng hoạt động;
 - (iv) AIS phải thực hiện thêm việc xác thực/kiểm tra khi có bằng chứng hoặc lý do khác để nghi ngờ Thao tác/giao dịch trên hệ thống đó không do chính khách hàng thực hiện;
 - (v) Việc xác thực không thành công; hoặc
 - (vi) Theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- (g) AIS có quyền gửi tin nhắn hoặc gọi điện đến Số điện thoại hoặc gửi thư đến Thư điện tử.
- (h) AIS không đưa ra bất kỳ cam đoan hay cam kết nào về (i) sự chính xác, đầy đủ hay kịp thời của Hệ thống giao dịch điện tử hoặc (ii) khả năng không bị gián đoạn hay mắc lỗi của Hệ thống giao dịch điện tử.
- (i) AIS có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Phần C này, các hợp đồng/thỏa thuận khác ký với Khách hàng và theo quy định của pháp luật Việt Nam.

9.2 Quyền Và Nghĩa Vụ Của Khách hàng

- (a) Khách hàng được cấp quyền sử dụng Hệ thống giao dịch điện tử sau khi đã cài đặt và chấp thuận các điều khoản và điều kiện áp dụng cho ứng dụng, phần mềm hay hệ thống tương ứng (quyền sử dụng của Khách hàng là không độc quyền, không được chuyển giao và có thể bị rút lại theo toàn quyền quyết định của AIS).
- (b) Khách hàng có trách nhiệm quản lý, theo dõi, kiểm soát và sử dụng TKCK và bảo đảm sự chính xác của Thông điệp dữ liệu, Lệnh điện tử và Chấp thuận điện tử gửi qua Hệ thống giao dịch điện tử.
- (c) Khách hàng không được sử dụng Hệ thống giao dịch điện tử để thực hiện giao dịch trái pháp luật.
- (d) Khách hàng phải sử dụng thiết bị điện tử có hệ điều hành tương thích để cài đặt và sử dụng Ứng dụng thiết bị điện tử; Khách hàng có trách nhiệm cài đặt các phần mềm chống virus có uy tín trên các thiết bị điện tử này.
- (e) Khách hàng không được phát tán virus, sử dụng hay phát tán phần mềm độc hại hay thực hiện bất kỳ hành vi nào phá hoại Hệ thống giao dịch điện tử.
- (f) Khách hàng phải tự ghi nhớ và chịu trách nhiệm lưu giữ và bảo mật thông tin TKCK và tất cả Mật Khẩu cho riêng mình; Khách hàng không được chia sẻ thông tin TKCK hay Mật Khẩu với bất kỳ ai khác nếu không được AIS chấp thuận rõ ràng bằng văn bản.
- (g) Khách hàng tự chịu trách nhiệm đối với mọi Thao tác/giao dịch trên hệ thống được thực hiện đối với TKCK (Khách hàng công nhận rằng bất kỳ Thao tác/giao dịch trên hệ thống nào được thực hiện đối với TKCK đều mặc nhiên được hiểu là được chính Khách hàng thực hiện trừ trường hợp Khách hàng đã thông báo và AIS xác nhận đã nhận được thông báo của Khách hàng về việc mất Mật Khẩu hoặc thiết bị điện tử có cài đặt Hệ thống giao dịch điện tử).
- (h) Khách hàng cũng tự chịu trách nhiệm đối với mọi thông tin, Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử được đặt qua hoặc gửi đi từ Số điện thoại hay Thư điện tử (Khách hàng công nhận rằng bất kỳ mọi thông tin, Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử được đặt qua hoặc gửi đi từ Số điện thoại hay Thư điện tử đều mặc nhiên được hiểu là do chính Khách hàng đặt và gửi đi trừ trường hợp Khách hàng đã thông báo và AIS xác nhận đã nhận được thông báo của Khách hàng về việc mất điện thoại hay sim gắn với Số điện thoại hoặc thiết bị điện tử có cài sẵn phần mềm hay ứng dụng để gửi Thư điện tử).
- (i) Khách hàng phải thông báo cho AIS ngay sau khi (i) bị mất hoặc bị đánh cắp thiết bị điện tử cài đặt Ứng dụng thiết bị điện tử hay hệ thống khác thuộc Hệ thống giao dịch điện tử; (ii) bị mất hoặc bị đánh cắp điện thoại hay sim gắn với Số điện thoại hoặc (iii) bị mất hoặc bị đánh cắp thiết bị điện tử có cài sẵn phần mềm hay ứng dụng để gửi và/hoặc nhận Thư điện tử từ và/hoặc đến Thư điện tử.
- (j) Khách hàng phải thông báo ngay cho AIS khi gửi Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử hay ký kết Hợp đồng điện tử mà không được xác thực theo quy định tại Điều C8.
- (k) Khách hàng có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho AIS theo quy định của pháp luật phát sinh từ:
 - (i) hành vi lừa dối của Khách hàng;
 - (ii) hành vi vi phạm Phần C này của Khách hàng;
 - (iii) hành vi sử dụng sai mục đích Hệ thống giao dịch điện tử; hoặc
 - (iv) hành vi sử dụng Hệ thống giao dịch điện tử cho các giao dịch hay hoạt động trái pháp luật.

- (l) Khách hàng có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Phần C này, các hợp đồng/thỏa thuận khác ký với AIS và theo quy định của pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU C10. CÔNG BỐ RỦI RO

Khách hàng đồng ý rằng việc sử dụng Hệ thống giao dịch điện tử, Số điện thoại và Thư điện tử luôn gắn với rủi ro và Khách hàng tự nguyện chấp nhận các rủi ro đó. Dưới đây là một số rủi ro (Khách hàng đồng ý rằng danh sách này không phải là danh sách đầy đủ các rủi ro ảnh hưởng đến việc sử dụng Hệ thống giao dịch điện tử, Số điện thoại và Thư điện tử):

- 10.1 **Rủi Ro Tắc Nghẽn/Gián Đoạn Hệ Thống Mạng:** Rủi ro này thể hiện thông qua việc nghẽn đường truyền, đứt đường truyền hay quá tải đường truyền. Hậu quả của rủi ro này có thể là (i) Khách hàng không thể truy cập được TKCK thông qua Hệ thống giao dịch điện tử hoặc (ii) Thao tác/giao dịch trên hệ thống bị chậm trễ, bị gián đoạn, bị ngừng hoặc bị cản trở.
- 10.2 **Rủi Ro Hệ Thống Bị Tấn Công Trái Phép:** Rủi ro này thể hiện thông qua việc thiết bị điện tử của Khách hàng cài đặt Hệ thống giao dịch điện tử, mạng nội bộ của AIS hoặc mạng kết nối giữa AIS và các bên thứ ba có liên quan bị nhiễm virus, bị xâm nhập, can thiệp trái phép, bị chiếm quyền điều khiển hay bị tấn công. Hậu quả của rủi ro này có thể là (i) Khách hàng không thể truy cập được TKCK thông qua Hệ thống giao dịch điện tử; (ii) thông tin TKCK bị lộ, bị đánh cắp, bị xóa hoặc bị chỉnh sửa; (iii) Thao tác/giao dịch trên hệ thống bị thực hiện bởi người khác và/hoặc (iv) Thao tác/giao dịch trên hệ thống do Khách hàng thực hiện bị chỉnh sửa, bị làm sai lệch, bị chậm trễ, bị gián đoạn, bị ngừng hoặc bị cản trở.
- 10.3 **Rủi Ro Từ Lỗi Ứng Dụng/Phần Mềm:** Rủi ro này tồn tại ở dạng có lỗi xây dựng, thiết kế phần mềm dùng để chạy Hệ thống giao dịch điện tử hoặc mạng nội bộ của AIS hoặc mạng kết nối giữa AIS và các bên thứ ba có liên quan. Hậu quả của rủi ro này có thể là (i) Khách hàng không thể truy cập được TKCK thông qua Hệ thống giao dịch điện tử, (ii) thông tin TKCK không hiển thị đầy đủ hoặc sai lệch và/hoặc (iii) Thao tác/giao dịch trên hệ thống bị chậm trễ, bị gián đoạn, bị ngừng hoặc bị cản trở.
- 10.4 **Rủi Ro Con Người:** Rủi ro này phát sinh từ việc có sự can thiệp trái phép của nhân viên AIS đối với thông tin TKCK hoặc truy cập trái phép TKCK. Hậu quả của rủi ro này có thể là (i) Khách hàng không thể truy cập được TKCK thông qua Hệ thống giao dịch điện tử; (ii) thông tin TKCK bị lộ, không hiển thị đầy đủ hoặc bị chỉnh sửa và/hoặc (iii) Thao tác/giao dịch trên hệ thống bị thực hiện bởi người khác không phải Khách hàng.

PHẦN D: QUY ĐỊNH VỀ GIAO DỊCH KÝ QUỸ

ĐIỀU D1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong Phần D này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- 1.1 **Tài khoản giao dịch ký quỹ (TKGDQK):** Là tài khoản được AIS mở cho Khách hàng khi Khách hàng đăng ký mở TKCK và sử dụng dịch vụ giao dịch ký quỹ (hoặc đăng ký sau đó).
- 1.2 **Giao dịch ký quỹ (GDQK):** Là giao dịch Khách hàng mua chứng khoán bằng một phần vốn tự có của Khách hàng và một phần vốn AIS cho vay theo cách thức quy định tại Phần D này.
- 1.3 **Tổng nợ vay GDQK (Debt):** Là số tiền bao gồm toàn bộ Dư nợ vay và tổng tiền lãi vay mà Khách hàng nợ AIS trên TKGDQK.
- 1.4 **Tiền bán chứng khoán:** Là số tiền bán chứng khoán trên TKGDQK sẽ được nhận về tại ngày thanh toán sau khi đã trừ các khoản phí, thuế giao dịch có liên quan.
- 1.5 **Tổng giá trị tài sản thực tế:** Bao gồm toàn bộ tiền mặt, tiền bán chứng khoán sẽ nhận về của Khách hàng, tổng giá trị đầu tư (LMV) và tổng giá trị thế chấp trên TKGDQK.
- 1.6 **Tổng giá trị tài sản (Asset):** Bao gồm toàn bộ tiền mặt, tiền bán chứng khoán sẽ nhận về và tổng giá trị đầu tư (LMV) của khách hàng trên TKGDQK.
- 1.7 **Giá trị tài sản ròng (Equity):** Bằng Tổng giá trị tài sản trừ đi (-) Tổng nợ vay GDQK.
- 1.8 **Tài sản đảm bảo (TSĐB):** Là toàn bộ chứng khoán được AIS đồng ý ghi nhận vào tài sản (bao gồm cả chứng khoán sẽ hình thành trong tương lai), tiền trên TKGDQK, TKGDCK của Khách hàng và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Khách hàng để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho AIS.
- 1.9 **Tổng giá trị đầu tư (LMV):** Là tổng giá trị hiện tại của chứng khoán thuộc danh sách chứng khoán được phép GDQK do AIS quy định (bao gồm cả chứng khoán được hình thành trong tương lai) và/hoặc các chứng khoán khác được AIS chấp thuận theo từng thời kỳ.
- 1.10 **Tổng giá trị thế chấp:** Là Tổng giá trị của chứng khoán không nằm trong Danh sách chứng khoán được phép GDQK mà AIS đồng ý và các quyền lợi liên quan đến chứng khoán đó (trong trường hợp pháp luật cho phép), hoặc tài sản khác được Khách hàng chuyển/bỏ sung vào TKGDQK để làm tăng giá trị của TKGDQK (được tính giá trị theo cách thức quy định của AIS).
- 1.11 **Giá trị ký quỹ yêu cầu (MR):** Là giá trị AIS yêu cầu Khách hàng phải có để duy trì giá trị đầu tư.
- 1.12 **Giá trị tài sản ròng vượt mức ký quỹ (EE):** Là giá trị tài sản ròng còn lại của Khách hàng sau khi trừ đi Giá trị ký quỹ yêu cầu và Giá trị ký quỹ yêu cầu của lệnh đặt mua.

- 1.13 **Sức mua (PP):** Là giá trị Khách hàng có thể đặt lệnh mua chứng khoán trên TKGDQ căn cứ vào Giá trị tài sản ròng vượt mức ký quỹ. Sức mua của Khách hàng có thể thay đổi theo mã chứng khoán Khách hàng mua.
- 1.14 **Tỷ lệ ký quỹ ban đầu (IM):** Là tỷ lệ giữa giá trị tài sản ròng và giá trị chứng khoán dự kiến mua được bằng lệnh giao dịch ký quỹ tính theo giá thị trường tại thời điểm giao dịch.
- 1.15 **Tỷ lệ ký quỹ hiện tại:** Là tỷ lệ hiện tại giữa “Giá trị tài sản ròng” của Khách hàng và “Tổng giá trị tài sản” (tại thời điểm do AIS xác định).
- 1.16 **Tỷ lệ ký quỹ duy trì (IM_{dt}):** Là tỷ lệ ký quỹ do AIS quy định, có thể thay đổi theo chính sách của AIS ban hành trong từng thời kỳ và không thấp hơn tỷ lệ pháp luật quy định. Khi Tỷ lệ ký quỹ hiện tại trên TKGDQ của Khách hàng giảm dưới tỷ lệ này, Khách hàng bắt buộc phải bổ sung thêm TSDB và hoặc trả bớt một phần hoặc toàn bộ Dư nợ vay GDKQ của Khách hàng tại AIS để đảm bảo Tỷ lệ ký quỹ hiện tại không thấp hơn Tỷ lệ ký quỹ duy trì.
- 1.17 **Tỷ lệ ký quỹ xử lý (IM_{xl}):** Là tỷ lệ bán xử lý giải chấp tài khoản. Tỷ lệ này do AIS quy định và có thể thay đổi theo chính sách của AIS ban hành trong từng thời kỳ. Khi Tỷ lệ ký quỹ hiện tại trên tài khoản TKGDQ của Khách hàng nhỏ hơn tỷ lệ này thì AIS được toàn quyền thực hiện ngay các biện pháp xử lý cần thiết theo quy định của Phần D này.
- 1.18 **Lệnh gọi yêu cầu ký quỹ bổ sung:** Là thông báo của AIS gửi cho Khách hàng để yêu cầu Khách hàng nộp thêm tiền và/hoặc bổ sung thêm tài sản đầu tư, tài sản thế chấp và/hoặc bán bớt chứng khoán để đảm bảo Tỷ lệ ký quỹ hiện tại không thấp hơn Tỷ lệ ký quỹ duy trì.
- 1.19 **Danh sách chứng khoán được phép GDKQ:** Là danh sách các mã chứng khoán được AIS công bố từng thời kỳ.
- 1.20 **Giá chặn trần:** Là mức giá do AIS quy định và được dùng làm cơ sở xác định mức giá cao nhất để tính Giá trị tài sản ròng và các chỉ số khác.
- 1.21 **Hạn mức cho vay GDKQ:** Là tổng giá trị tối đa bằng tiền mà AIS có thể cho vay GDKQ đối với Khách hàng do AIS quy định trong từng thời kỳ.
- 1.22 **Ngày giải ngân:** Là ngày AIS chuyển tiền vay vào TKGDQ.
- 1.23 **Ngày vay thực tế:** Là số ngày được tính từ ngày giải ngân đến ngày Khách hàng trả nợ cho AIS.
- 1.24 **Ngày quá hạn:** Là số ngày vượt quá thời hạn cho vay.

ĐIỀU D2. ĐIỀU KIỆN VAY ĐỂ GIAO DỊCH KÝ QUỸ

Khách hàng được hiện giao dịch ký quỹ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- 2.1 Khách hàng đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về GQKQ, đáp ứng các quy định về TSDB, Giá trị tài sản ròng tối thiểu trên TKGDQ, Tỷ lệ ký quỹ ban đầu của AIS. AIS có thể thay đổi các quy định này trong từng thời kỳ/thời điểm.
- 2.2 Khách hàng có khả năng tài chính bảo đảm trả toàn bộ nợ vay cho AIS đầy đủ, đúng hạn và trong thời hạn cam kết và không thuộc các trường hợp chấm dứt, thu hồi Dư nợ vay GDKQ trước hạn theo Phần D này.
- 2.3 Khách hàng phải duy trì đúng/đầy đủ các Tỷ lệ/Giá trị của TKGDQ theo quy định của Phần D này. Cách tính Tỷ lệ ký quỹ hiện tại, các quy định về Tỷ lệ ký quỹ bắt buộc, Tỷ lệ ký quỹ xử lý có thể thay đổi theo quyết định của AIS từng thời kỳ.
- 2.4 Chứng khoán Khách hàng mua nằm trong Danh sách chứng khoán được phép GDKQ do AIS quy định. Danh sách này có thể thay đổi theo từng thời điểm theo quyết định đơn phương của AIS.
- 2.5 Các điều kiện khác theo quy định tại Phần D này, các văn bản pháp luật liên quan và các thông báo của AIS.

ĐIỀU D3. CHO VAY GIAO DỊCH KÝ QUỸ

3.1 Nguyên Tắc Cho Vay Giao Dịch Ký Quỹ

- (a) Trước khi thực hiện giao dịch ký quỹ, Khách hàng phải có tài sản đảm bảo tỷ lệ ký quỹ theo quy định; và
- (b) Trong giới hạn Hạn mức cho vay GDKQ và căn cứ vào Giá trị tài sản ròng vượt mức ký quỹ (EE) trên TKGDQ, AIS thực hiện đánh giá và giải ngân cho vay giao dịch ký quỹ trên TKGDQ.

3.2 Phương Thức Giải Ngân

Khi Khách hàng có lệnh mua chứng khoán được khớp nhưng không đủ số dư tiền trên TKGDQ để thanh toán lệnh mua thì Khách hàng mặc nhiên đề nghị AIS giải ngân khoản tiền cho vay GDKQ theo nguyên tắc dưới đây:

- (a) Căn cứ yêu cầu mua chứng khoán của Khách hàng trong lệnh mua tương ứng và/hoặc các trường hợp khác được AIS chấp thuận giao dịch thành công, AIS tự động chuyển tiền giải ngân vào TKGDQ được thể hiện bằng số dư tăng thêm của Dư nợ vay GDKQ trên TKGDQ, đồng thời là bằng chứng cho việc AIS đã giải ngân để thanh toán theo yêu cầu của Khách hàng.
- (b) Khách hàng mặc nhiên chấp nhận và nhận nợ toàn bộ các khoản tiền cho vay GDKQ được giải ngân theo quy định trên đây và Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán hoàn trả cho AIS toàn bộ số tiền AIS đã giải ngân cho vay GDKQ. Khoản nợ gốc của Khách hàng đối với AIS được thể hiện bằng số Dư nợ vay GDKQ trên TKGDQ.
- (c) Khách hàng tại đây ủy quyền cho AIS lập văn bản xác nhận đối với các khoản Dư nợ vay GDKQ đã giải ngân của Khách hàng và được lưu trong hồ sơ giao dịch của Khách hàng. Khách hàng đương nhiên ghi nhận nghĩa vụ hoàn

trả đối với Dư nợ vay GDKQ ghi trên văn bản do AIS lập mà không cần có thêm bất cứ văn bản nào về việc xác nhận của Khách hàng.

Khách hàng tại đây cam kết đã hiểu, đồng ý và không có bất kỳ khiếu nại, tranh chấp nào với AIS về nguyên tắc, phương thức, thủ tục giải ngân và nhận nợ theo quy định tại Điều này.

3.3 Mục Đích Sử Dụng Tiền Vay Và Thời Hạn Cho Vay

- (a) Mục đích sử dụng tiền vay: Khách hàng chỉ được phép sử dụng các khoản tiền vay cho GDKQ từ AIS để mua chứng khoán trên TKGDQ, và những trường hợp được AIS chấp thuận.
- (b) Thời hạn cho vay:
- (i) Thời hạn của các khoản vay được quy định theo chính sách sản phẩm GDKQ của AIS trong từng thời kỳ;
 - (ii) Bằng Hợp đồng mở TKCK, Khách hàng đề nghị AIS gia hạn thời gian cho vay đối với mỗi khoản vay GDKQ đến hạn trừ trường hợp Khách hàng có yêu cầu khác bằng văn bản trước thời điểm đến hạn nêu trên;
 - (iii) AIS có thể xem xét chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn thời gian cho vay theo đề nghị của Khách hàng dựa trên nguồn vốn hiện có của AIS và/hoặc khả năng thu hồi nợ của Khách hàng. Thời gian gia hạn (nếu có) sẽ theo quy định của AIS trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
 - (iv) Nếu AIS chấp thuận cho Khách hàng gia hạn, AIS sẽ toàn quyền chủ động quyết định số lần gia hạn, thời gian mỗi lần gia hạn cũng như mức lãi suất cho vay gia hạn, cách thức tính lãi suất cho vay gia hạn; và các quy định khác có liên quan đến việc gia hạn cho vay để Khách hàng được giao dịch trên TKGDQ phù hợp với chính sách của AIS. Nếu AIS chủ động thay đổi thời hạn gia hạn dẫn tới việc Khách hàng phải hoàn trả tiền vay và lãi vay cho AIS trước hạn, AIS có trách nhiệm thông báo cho Khách hàng ít nhất 03 (ba) ngày giao dịch theo các hình thức quy định tại Điều D10 dưới đây;
 - (v) Nếu AIS không chấp thuận cho Khách hàng gia hạn thì Khách hàng phải thực hiện bán chứng khoán trên TKGDQ hoặc Khách hàng phải chuyển tiền vào TKGDQ để AIS thu hồi nợ. Ngay sau ngày hết hạn cho vay mà Khách hàng chưa nộp tiền và/hoặc bán chứng khoán hoặc nộp tiền/hoặc bán chứng khoán chưa đủ để tất toán khoản vay thì AIS có quyền nhưng không phải nghĩa vụ chủ động thu hồi nợ theo quy định tại Điều D9 của Phần D này.

3.4 Giới Hạn Cho Vay Giao Dịch Ký Quỹ Và Miễn Trách Của AIS

- (a) Hạn mức cho vay GDKQ đối với Khách hàng có thể được AIS thay đổi từng thời kỳ mà không bắt buộc phải thông báo trước với Khách hàng. Trong thời hạn hiệu lực của hạn mức cho vay GDKQ, các bên đồng ý rằng:
- (i) Khách hàng có thể được giải ngân nhiều lần nhưng tổng Dư nợ vay GDKQ tại bất kỳ thời điểm nào cũng không vượt quá giá trị Hạn mức cho vay GDKQ.
 - (ii) Tổng nguồn vốn cho vay GDKQ đối với tất cả các Khách hàng sử dụng hình thức GDKQ theo cách thức tương tự như hợp đồng này có thể được AIS thay đổi từng thời kỳ mà không bắt buộc phải thông báo đến Khách hàng.
 - (iii) Vì bất cứ lý do gì, nếu Khách hàng có Dư nợ vay GDKQ vượt Hạn mức cho vay GDKQ theo quy định (tỷ lệ cho vay đối với từng mã chứng khoán, giới hạn số lượng chứng khoán cho vay, giới hạn dư nợ cho vay với từng mã chứng khoán...), Khách hàng phải thanh toán ngay phần chênh lệch ngay trong ngày hoặc Khách hàng phải đề nghị AIS tăng hạn mức cho vay GDKQ để phù hợp với tình trạng số dư và nếu được AIS đồng ý, AIS và Khách hàng sẽ ký các văn bản cần thiết để xác nhận việc điều chỉnh. Trong mọi trường hợp, Khách hàng đương nhiên nhận nợ toàn bộ các khoản AIS đã giải ngân, kể cả phần vượt đó (nếu có).
- (b) Khách hàng không tiếp tục được vay GDKQ để mua chứng khoán khi đã đạt Hạn mức cho vay GDKQ hoặc khi Tổng nguồn vốn cho vay GDKQ của AIS đã được sử dụng hết (mà không bắt buộc phải thông báo đến Khách hàng trước). Trong các trường hợp nêu tại Khoản 3.4 này, AIS được miễn mọi trách nhiệm đối với Khách hàng.

ĐIỀU D4. DƯ NỢ CHO VAY VÀ LÃI SUẤT CHO VAY GIAO DỊCH KÝ QUỸ

4.1 Dư Nợ Vay Giao Dịch Ký Quỹ

Dư nợ vay GDKQ được tính hàng ngày và là tổng số tiền thực tế AIS đã giải ngân cho Khách hàng trên TKGDQ lũy kế đến cuối ngày đó (mà chưa được Khách hàng hoàn trả cho AIS).

4.2 Lãi Suất

- (a) Lãi suất cho vay GDKQ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm theo ngày, tháng (cơ sở 30 ngày/tháng) hoặc theo năm (360 ngày/năm) được áp dụng từng thời kỳ do AIS quy định. Khi có thay đổi Lãi suất cho vay, AIS sẽ thông báo tới Khách hàng một (01) ngày làm việc trước khi áp dụng chính thức bằng một trong các hình thức thông của AIS.
- (b) Lãi vay quá hạn: AIS sẽ áp dụng lãi suất vay quá hạn theo thông báo tại từng thời kỳ
- (c) Tiền lãi vay được tính được tính như sau:

Lãi vay = Dư nợ vay GDKQ * lãi suất* số ngày thực tế giải ngân/360 ngày

Lãi vay quá hạn = Dư nợ vay GDKQ * lãi suất vay quá hạn * số ngày quá hạn/360 ngày

- (d) Tổng tiền lãi cho vay GDKQ: Là tổng số Tiền lãi áp dụng cho toàn bộ các khoản cho vay GDKQ giải ngân tính đến ngày hoàn trả thực tế. Khách hàng đồng ý để AIS được tính toán, lập bảng kê chi tiết Tổng tiền lãi cho vay GDKQ và đương nhiên công nhận hiệu lực của bảng kê này. Tiền lãi của tháng chưa thanh toán sẽ được cộng dồn vào Dư nợ vay GDKQ lũy kế của Khách hàng.
- (e) Cách tính Tiền lãi, Lãi suất cho vay GDKQ có thể thay đổi theo quyết định của AIS mà không phải thông báo cho Khách hàng. Khách hàng đồng ý rằng, bất kể kết quả hoạt động kinh doanh trên TKGDQK như thế nào (lãi/lỗ), Khách hàng sẽ hoàn trả đủ các khoản Dư nợ vay GDKQ và thanh toán đủ cho AIS Tổng lãi cho vay GDKQ nêu trên.

ĐIỀU D5. THU HỒI DƯ NỢ VAY GIAO DỊCH KÝ QUỸ VÀ LÃI VAY

5.1 Thu Hồi Dư Nợ Vay Giao Dịch Ký Quỹ

- (a) Thu hồi Dư nợ vay GDKQ trong hạn:
 - (i) Dư nợ vay GDKQ gốc được thu ngay khi TKGDQK phát sinh tăng tiền do Khách hàng nộp/chuyển vào và/hoặc tiền bán chứng khoán đến hạn nhận về (đã trừ phí giao dịch + thuế, nếu có), cở tức bằng tiền đến hạn nhận về.
 - (ii) AIS tự động lập bút toán trích thu Dư nợ vay GDKQ từ TKGDQK và ghi giảm Dư nợ vay GDKQ với giá trị tương ứng với phần đã thu. Nếu Dư nợ vay GDKQ đã được thu hồi đủ, phần còn lại được ghi tăng vào Tiền mặt trên TKGDQK.
- (b) Thu hồi Dư nợ vay GDKQ trước hạn:

AIS có quyền không tiếp tục giải ngân, chấm dứt việc cho vay GDKQ, thu hồi nợ trước hạn (bao gồm: Dư nợ vay GDKQ, toàn bộ Tiền lãi, phí chưa thanh toán, các nghĩa vụ khác của Khách hàng với AIS) cũng như chấm dứt Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQ với Khách hàng trong các trường hợp sau:

- (i) Khách hàng có liên quan đến các vụ kiện mà theo nhận định của AIS là có ảnh hưởng đến phần lớn tài sản của Khách hàng; Khách hàng bị mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị khởi tố/ truy tố/ xét xử về hình sự. Đối với Khách hàng là tổ chức bị giải thể, ngừng hoạt động, chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức, cổ phần hóa hoặc thay đổi chủ sở hữu...; người đại diện theo pháp luật, người điều hành của Khách hàng bị khởi tố/ truy tố/ xét xử về hình sự;
- (ii) Khách hàng vi phạm bất kỳ nội dung nào của Phần D này và/hoặc cam kết đã ký với AIS;
- (iii) Khách hàng không đồng ý thay đổi: Lãi suất vay GDKQ, phí, các tỷ lệ liên quan đến TKGDQK, phương thức tính và thu hồi Dư nợ vay GDKQ, lãi cho vay...do AIS đưa ra;
- (iv) Khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật khi thực hiện mở TKGDCK và TKGDQK;
- (v) Khách hàng là cá nhân chết mà không có người thừa kế được AIS chấp thuận;
- (vi) AIS quyết định ngừng cho vay GDKQ theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, do thay đổi chiến lược kinh doanh hay do bất kỳ nguyên nhân nào khác; các trường hợp khác mà AIS xét thấy cần thiết để bảo đảm thu hồi vốn cho AIS.

Việc thu nợ được thực hiện theo thứ tự ưu tiên như sau: phí giao dịch/các khoản phải trả khác của Khách hàng (nếu có), chi phí xử lý tài sản bảo đảm, Tiền lãi quá hạn, Tiền lãi trong hạn, nợ gốc. AIS có quyền đơn phương thay đổi thứ tự ưu tiên thu hồi nợ này mà không cần thông báo Khách hàng.

5.2 Thu Tiền Lãi Vay

Tiền lãi vay được tính, cộng dồn hàng ngày (được tạm phong tỏa khi kết thúc giao dịch và được tạm cộng vào Dư nợ vay GDKQ để tính toán các tỷ lệ yêu cầu trên TKGDQK) và thu vào ngày đầu tiên của mỗi tháng (hoặc tại ngày chấm dứt Hợp đồng mở TKCK và đăng ký dịch vụ chứng khoán, tùy thời điểm nào đến sớm hơn).

- (a) AIS tự động trích thu hồi tiền lãi từ khoản Tiền mặt trên TKGDQK đến khi thu hồi đủ Tiền lãi phát sinh và ghi giảm Tiền mặt tương ứng với phần Tiền lãi đã thu.
- (b) Trường hợp Tiền mặt trên TKGDQK không đủ tiền trả Tiền lãi thu theo tháng, AIS được quyền, tùy theo lựa chọn của mình yêu cầu Khách hàng bổ sung Tiền mặt ngay lập tức để trả đủ Tiền lãi hoặc phần Tiền lãi còn thiếu của tháng đó được AIS tự động cộng dồn vào Dư nợ vay GDKQ của ngày đầu tiên của tháng kế tiếp.

AIS có toàn quyền đơn phương thay đổi phương thức thu hồi Dư nợ vay GDKQ, lãi vay mà không cần thông báo Khách hàng. Khách hàng hoàn toàn đồng ý và cam kết sẽ không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện nào đối với AIS.

ĐIỀU D6. XỬ LÝ VI PHẠM TỶ LỆ TRÊN TÀI KHOẢN KÝ QUỸ

6.1 Xử Lý Vi Phạm Tỷ Lệ Ký Quỹ Duy Trì

- (a) Khi Tỷ lệ ký quỹ hiện tại trên TKGDQK thấp hơn Tỷ lệ ký quỹ duy trì, AIS ngay lập tức gửi Lệnh gọi yêu cầu ký quỹ bổ sung đến Khách hàng.
- (b) Trong thời hạn bổ sung TSDB theo quy định tại Điều 7 của Phần D này, Khách hàng phải bổ sung TSDB và/hoặc giảm Tổng nợ vay GDKQ để đưa Tỷ lệ ký quỹ hiện tại trên TKGDQK cao hơn Tỷ lệ ký quỹ duy trì.

- (c) Quá thời hạn bổ sung TSDB mà Khách hàng không thực hiện bổ sung TSDB vào TKGDQK theo đúng các nội dung yêu cầu của AIS, đồng thời Tỷ lệ ký quỹ hiện tại của TKGDQK trong thời hạn bổ sung TSDB này liên tục thấp hơn Tỷ lệ ký quỹ duy trì, AIS sẽ được toàn quyền thực hiện bán TSDB của Khách hàng (cả trên TKGDCK và TKGDQK) để thu hồi một phần hoặc toàn bộ Tổng nợ vay GDKQ để đưa Tỷ lệ ký quỹ hiện tại cao hơn Tỷ lệ ký quỹ duy trì theo nguyên tắc xử lý TSDB được quy định tại Điều 8 của Phần D này mà không cần có bất kỳ sự đồng ý/chấp thuận nào của Khách hàng. Việc xử lý đến tỷ lệ cụ thể nào là do AIS được toàn quyền quyết định.

6.2 Xử Lý Vi Phạm Tỷ Lệ Ký Quỹ Xử Lý

- (a) Khi Tỷ lệ ký quỹ hiện tại trên TKGDQK tại bất kỳ thời điểm nào nhỏ hơn Tỷ lệ ký quỹ xử lý, ngay lập tức AIS được toàn quyền bán TSDB của Khách hàng (cả trên TKGDCK và TKGDQK) để thu hồi một phần hoặc toàn bộ tiền để đưa Tỷ lệ ký quỹ hiện tại lớn hơn Tỷ lệ ký quỹ duy trì theo nguyên tắc xử lý TSDB theo quy định tại Điều 8 của Phần D này mà không cần có bất kỳ sự đồng ý/chấp thuận nào của Khách hàng.
- (b) Trường hợp AIS xử lý tài sản trên TKGDCK, AIS được toàn quyền chuyển khoản tiền thu được vào TKGDQK để thu nợ và thay mặt Khách hàng lập tất cả các chứng từ có liên quan.

ĐIỀU D7. BỔ SUNG TÀI SẢN ĐẢM BẢO

- 7.1 Lệnh gọi yêu cầu ký quỹ bổ sung được AIS gửi tới Khách hàng ngay khi Tỷ lệ ký quỹ hiện tại trên TKGDQK thấp hơn Tỷ lệ ký quỹ duy trì.
- 7.2 Thời hạn Khách hàng phải bổ sung là ba (03) ngày giao dịch kể từ ngày AIS gửi Lệnh gọi yêu cầu ký quỹ bổ sung. Tuy nhiên, trong mọi trường hợp, nếu trong thời hạn yêu cầu bổ sung TSDB này mà Tỷ lệ ký quỹ hiện tại trên TKGDQK thấp hơn Tỷ lệ ký quỹ xử lý, AIS có toàn quyền xử lý chứng khoán ngay lập tức theo cách thức quy định tại Điều 8 của Phần D này mà không cần chờ đến hết thời hạn bổ sung TSDB.
- 7.3 Đối với trường hợp Khách hàng phải bổ sung TSDB do mã chứng khoán bị đưa ra khỏi Danh sách chứng khoán được phép GDKQ như quy định tại Khoản 9.2(d) dưới đây thì thời hạn bổ sung tài sản của Khách hàng được quy định như sau:
- (a) Ba (03) ngày giao dịch kể từ ngày AIS gửi Lệnh gọi yêu cầu ký quỹ bổ sung tới Khách hàng nếu Tỷ lệ ký quỹ duy trì > Tỷ lệ ký quỹ hiện tại > Tỷ lệ ký quỹ xử lý (trừ trường hợp có quy định khác của AIS); và
- (b) Một (01) ngày giao dịch kể từ ngày AIS gửi Lệnh gọi yêu cầu ký quỹ bổ sung tới Khách hàng nếu Tỷ lệ ký quỹ hiện tại < Tỷ lệ ký quỹ xử lý.
- 7.4 Khách hàng có thể thực hiện bổ sung TSDB theo các cách sau: (i) Nộp/chuyển tiền vào TKGDQK với số tiền không thấp hơn Giá trị tài sản tối thiểu cần bổ sung; (ii) Bán chứng khoán trong TKGDQK với giá trị chứng khoán bán (đã trừ phí giao dịch và thuế liên quan) để đảm bảo Tỷ lệ ký quỹ hiện tại không thấp hơn Tỷ lệ ký quỹ duy trì; (iii) Chuyển chứng khoán được phép GDKQ từ TKGDCK của Khách hàng sang TKGDQK với tổng giá trị tính theo giá thị trường không thấp hơn Giá trị tài sản tối thiểu cần bổ sung; (iv) Chuyển chứng khoán được chấp nhận làm tài sản thế chấp từ TKGDCK của Khách hàng sang TKGDQK với tổng giá trị tính theo giá AIS chấp nhận không nhỏ hơn Giá trị tài sản tối thiểu cần bổ sung.
- 7.5 Đồng thời thực hiện các cách nêu tại Khoản 7.4 trên đây với tổng giá trị tiền, chứng khoán bán (đã trừ phí giao dịch và thuế liên quan), giá trị thị trường của chứng khoán được phép GDKQ, giá trị chứng khoán được chấp nhận làm tài sản thế chấp sao cho TKGDQK đảm bảo Tỷ lệ ký quỹ duy trì theo quy định của Phần D này.

ĐIỀU D8. ĐẢM BẢO KHOẢN VAY GIAO DỊCH KÝ QUỸ

8.1 Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm Và Tài Sản Đảm Bảo

Để thực hiện đúng các nghĩa vụ được bảo đảm, Khách hàng tự nguyện sử dụng toàn bộ tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của mình để làm TSDB cho AIS với các nội dung sau:

- (a) Nghĩa vụ được bảo đảm: Là nghĩa vụ trả nợ GDKQ của Khách hàng cho AIS (bao gồm: Dư nợ vay GDKQ, Tiền lãi vay, phí, phạt bồi thường thiệt hại và các chi phí khác cũng như các nghĩa vụ hoàn trả, thanh toán khác của Khách hàng phát sinh khi Khách hàng thực hiện GDKQ kể cả trong trường hợp Phần D này bị hủy bỏ, chấm dứt, vô hiệu).
- (b) Giá trị TSDB: AIS có quyền tính toán, đánh giá và xác định giá trị TSDB của Khách hàng tại bất kỳ thời điểm nào theo giá trị thị trường hoặc theo mức giá do AIS xác định. Khách hàng đồng ý việc đánh giá lại TSDB này của AIS và cam kết không có bất kỳ khiếu nại, tranh chấp nào đối với AIS.
- (c) Ngoài các TSDB nêu trên, Khách hàng đồng ý dùng toàn bộ số tiền, chứng khoán của mình và các tài sản hợp pháp khác tại AIS làm TSDB cho nghĩa vụ với AIS. Tuy nhiên, để tránh hiểu nhầm, các tài sản này sẽ không được tính vào các tỷ lệ trên TKGDQK (trừ trường hợp AIS có quy định khác) và giá trị bổ sung (mà chỉ để xử lý khi phát sinh các sự kiện xử lý TSDB theo Phần D này).
- (d) Việc sử dụng tài sản của bên thứ ba hoặc các tài sản khác (ngoài tiền và chứng khoán trên TKGDCK của Khách hàng) để bảo đảm cho nghĩa vụ của Khách hàng được thực hiện theo quy định từng thời kỳ của AIS phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

8.2 Thời Hạn Bảo Đảm

Kể từ ngày ký kết sử dụng dịch vụ cho đến khi Khách hàng thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hoàn trả Dư nợ vay GDKQ, Tiền lãi vay, phí, phạt và các nghĩa vụ khác (nếu có) phát sinh và/hoặc liên quan đến TKGDQK, TKGDCK của Khách hàng đối với AIS và/hoặc bên thứ ba (nếu có).

8.3 Sử Dụng & Xử Lý Tài Sản Bảo Đảm

TSDB được AIS sử dụng, xử lý để thanh toán các khoản nợ mà Khách hàng phải trả cho AIS gồm Dư nợ vay GDKQ, Tiền lãi vay, phí, chi phí, nghĩa vụ thuế liên quan đến xử lý TSDB (nếu có), tiền phạt và bồi thường thiệt hại (nếu có) và các nghĩa vụ khác của Khách hàng.

Khách hàng ủy quyền cho AIS được toàn quyền sử dụng TSDB để làm tài sản thế chấp trong trường hợp AIS cần vay vốn từ Bên thứ ba để cung cấp dịch vụ GDKQ cho Khách hàng. Trong trường hợp AIS phải xử lý TSDB để thu hồi nợ trước hạn hoặc quá hạn, giá trị TSDB sau khi xử lý nếu còn dư thì Khách hàng được AIS hoàn trả lại phần dư này; nếu còn thiếu thì Khách hàng có nghĩa vụ tiếp tục trả cho AIS. Các chi phí, thuế, nghĩa vụ tài chính khác phát sinh trong quá trình xử lý TSDB do Khách hàng chịu.

8.4 Nguyên Tắc Xử Lý Tài Sản Bảo Đảm

- (a) Các trường hợp xử lý:
 - (i) Xử lý TSDB khi Khách hàng vi phạm các yêu cầu trên TKGDQ (tỷ lệ, hạn mức...);
 - (ii) Xử lý TSDB khi AIS thu hồi Dư nợ vay GDKQ trước hạn;
 - (iii) Xử lý TSDB khi Khách hàng không thanh toán nợ đúng hạn;
 - (iv) Xử lý TSDB để thực hiện các nghĩa vụ khác của Khách hàng với AIS; hoặc
 - (v) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- (b) Thực hiện xử lý

Ngay khi phát sinh các trường hợp được quy định tại Khoản (a) trên đây, Khách hàng chấp nhận vô điều kiện và cam kết không có bất kỳ tranh chấp, khiếu nại hay khiếu kiện nào đối với việc xử lý TSDB của AIS như sau:

- (i) Thu số dư tiền khả dụng đang có trên TKGDQ, và/hoặc tự động bán thanh lý một phần hoặc toàn bộ chứng khoán của bất kỳ loại chứng khoán nào có trên TKGDQ mà không cần có sự chấp thuận của Khách hàng để thu hồi nợ. Mã chứng khoán, giá bán, số lượng và thời điểm bán do AIS quyết định. Chứng từ liên quan đến việc bán chứng khoán trên TKGDQ sẽ đương nhiên có giá trị pháp lý mà không cần có xác nhận của Khách hàng.
- (ii) Nếu AIS bán giải chấp chứng khoán trên TKGDQ, Khách hàng mặc nhiên ủy quyền cho AIS, thực hiện ứng trước khoản tiền bán chứng khoán ngay trong ngày giao dịch để trả nợ vay cho AIS, Khách hàng mặc nhiên chấp nhận và đồng ý thanh toán khoản phí ứng trước và các khoản thuế, phí liên quan khác theo quy định cho AIS.
- (iii) Khách hàng đồng ý rằng nếu bán hết chứng khoán trên TKGDQ mà vẫn không đủ để trả hết các khoản nợ gốc, lãi và các trách nhiệm, nghĩa vụ nợ khác của Khách hàng phát sinh trên TKGDQ và/hoặc TKGDQ không có chứng khoán được phép giao dịch, bị mất thanh khoản không bán được (hoặc bán được với số lượng ít theo đánh giá của AIS) thì AIS được toàn quyền khấu trừ các khoản tiền/bán bất kỳ loại chứng khoán nào trên TKGDQ của Khách hàng để thu hồi nợ.

8.5 Các Quy Định Khác

- (a) Sau khi xử lý toàn bộ TSDB của Khách hàng mà AIS vẫn không thu hồi đủ Dư nợ vay GDKQ, Tiền lãi vay, chi phí và các nghĩa vụ khác (nếu có) của Khách hàng, các khoản phạt ... thì Khách hàng đương nhiên tiếp tục nhận nợ phần nghĩa vụ chưa được thu hồi đủ với AIS (AIS có quyền yêu cầu Khách hàng thanh toán ngay lập tức). Khách hàng chịu trách nhiệm dùng toàn bộ tài sản và các nguồn thu nhập của mình để thực hiện nghĩa vụ tiếp tục trả nợ số vay cho AIS. AIS được toàn quyền xử lý các tài sản khác của Khách hàng để thu hồi phần nghĩa vụ chưa thu hồi đủ này.
- (b) Việc xử lý TSDB là các tài sản khác không nằm trên TKGDQ của Khách hàng được thực hiện theo các văn bản thỏa thuận, cam kết của Khách hàng và/hoặc bên thứ ba với AIS trên cơ sở các quy định pháp luật hiện hành.

ĐIỀU D9. QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ CAM KẾT CỦA KHÁCH HÀNG

9.1 Quyền Lợi Của Khách hàng

- (a) Gửi yêu cầu sử dụng dịch vụ cho vay GDKQ theo đúng các nội dung quy định trong Phần D này;
- (b) Chấm dứt Phần D này trước thời hạn với điều kiện đã thanh toán mọi khoản dư nợ, phí, chi phí liên quan cho AIS;
- (c) Khiếu nại, khởi kiện nếu AIS vi phạm các thỏa thuận trong Phần D này;

9.2 Nghĩa Vụ Của Khách hàng

- (a) Cung cấp đầy đủ, trung thực và cập nhật thay đổi nếu có liên quan đến các thông tin, tài liệu để mở, quản lý TKGDQ, GDKQ, vay vốn và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp; đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi và không làm bất cứ điều gì khó khăn trở ngại trong trường hợp AIS phải xử lý TSDB theo quy định tại Phần D này;

- (b) Nhận nợ vô điều kiện đối với các khoản tiền vay được AIS tự động giải ngân trên TKGDCK (không cần có chữ ký của Khách hàng) để thanh toán cho các giao dịch đã thành công tại AIS và có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ các khoản tiền đó và/hoặc các nghĩa vụ khác cho AIS theo quy định của Phần D này;
- (c) Trong trường hợp AIS đồng ý cho Khách hàng được phép rút/chuyển khoản tiền trên TKGDCK (khi vẫn còn dư nợ), Khách hàng cam kết nhận nợ vô điều kiện đối với khoản tiền này, và khoản tiền này cũng được xem là khoản vay của Khách hàng và được cộng dồn vào Dư nợ vay GDKQ lũy kế;
- (d) Chủ động theo dõi biến động giá chứng khoán trên thị trường hàng ngày, chủ động bổ sung TSDB theo quy định của AIS trong trường hợp TSDB của Khách hàng bị giảm sút giá trị theo đánh giá của AIS, trả bớt Dư nợ vay GDKQ, yêu cầu AIS xử lý một phần hoặc toàn bộ TSDB để đảm bảo duy trì Tỷ lệ ký quỹ hiện tại luôn lớn hơn Tỷ lệ duy trì. Thực hiện công bố thông tin (đối với trường hợp phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật) theo yêu cầu của AIS khi AIS phải xử lý TSDB;
- (e) Trong thời gian cầm cố TSDB, TSDB không được chuyển nhượng, tặng, cho cầm cố, thế chấp TSDB cho bất kỳ bên thứ ba nào, không thực hiện bất cứ quyền nào phát sinh từ TSDB, không xâm phạm đến TSDB hoặc sử dụng biện pháp khác để rút tiền từ TSDB không đúng với các nội dung tại Phần D này;
- (f) Thanh toán phí, chi phí, các khoản thuế liên quan tới việc gửi, giữ, cầm cố, quản lý, phong tỏa TSDB, xử lý TSDB, mở, sử dụng và quản lý tài khoản;
- (g) Thanh toán Dư nợ vay GDKQ khi đến hạn, Tiền lãi vay, phí, chi phí, các khoản đến hạn khác (nếu có) đầy đủ và đúng hạn cho AIS hoặc bên nhận chuyển nhượng;
- (h) Cam kết vô điều kiện dùng mọi nguồn thu và tài sản của Khách hàng để trả đủ số tiền nợ gốc, Tiền lãi vay, phí, chi phí và các khoản thanh toán đến hạn khác (nếu có) cho AIS hoặc bên nhận chuyển nhượng; đồng thời đồng ý để AIS tự động phong tỏa tài khoản và trích tài khoản của Khách hàng mở tại AIS để trích tiền thu hồi các khoản nợ gốc, Tiền lãi, phí, phạt bồi thường thiệt hại cho AIS;
- (i) Ủy quyền cho AIS toàn quyền xử lý TSDB để thu hồi nợ cho AIS khi Tỷ lệ ký quỹ hiện tại bằng hoặc nhỏ hơn Tỷ lệ ký quỹ bắt buộc. AIS có quyền phối hợp hoặc ủy quyền lại cho bên thứ ba thay mặt AIS xử lý TSDB;
- (j) Đồng ý, chấp thuận, tuân thủ đúng và cam kết không có bất khiếu nại, khiếu kiện nào đối với các quy định của Phần D này;
- (k) Tự chịu trách nhiệm về các khoản thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật cũng như các rủi ro do tổ chức và hoạt động của AIS gây nên.

9.3 Cam Kết Của Khách Hàng

- (a) Khách hàng đã đọc và thông hiểu quy định về việc vay GDKQ quy định tại Phần D này và tại đây cam kết thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo Phần D này, các văn bản liên quan theo quy định của pháp luật.
- (b) Khách hàng có đủ năng lực dân sự và thẩm quyền cần thiết để sử dụng giao dịch ký quỹ chứng khoán, tuân thủ và thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại Phần D này.
- (c) Khách hàng đồng ý rằng: Trừ trường hợp Khách hàng và AIS có ký văn bản thỏa thuận khác đi một cách rõ ràng, Người được ủy quyền của Khách hàng liên quan đến TKGDCK của Khách hàng được hiểu là được ủy quyền tương đương trên cả TKGDCK và TKGDCK.
- (d) Người được ủy quyền của Khách hàng cũng đồng ý sử dụng các tài sản trong tài khoản riêng của Người được ủy quyền mở tại AIS (nếu có) và tất cả các tài sản khác để làm tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ của Khách hàng trong Phần D này. Người được ủy quyền đồng ý để AIS phong tỏa và xử lý tài sản trong tài khoản riêng của mình (tương tự như cách xử lý quy định trong Phần D này) để đảm bảo các nghĩa vụ của Khách hàng trong các trường hợp mà AIS xét thấy cần thiết. Tuy nhiên, AIS có quyền quyết định xử lý tài sản của Người được ủy quyền theo từng trường hợp cụ thể. Việc AIS không xử lý tài sản của Người được ủy quyền sẽ không được hiểu là miễn trách đối với Khách hàng trong mọi trường hợp.
- (e) Trường hợp xảy ra tranh chấp giữa Khách hàng và Người được ủy quyền giao dịch của Khách hàng, Khách hàng và Người được ủy quyền cam kết và đảm bảo không yêu cầu AIS phải tham gia vào quá trình giải quyết tranh chấp dù trong bất kỳ trường hợp nào. Nếu AIS phải tham gia theo yêu cầu của tòa án thì Khách hàng và Người được ủy quyền sẽ liên đới chịu các phí tổn của AIS để tham gia.
- (f) Nội dung của Phần D này và việc Khách hàng ký kết và thực hiện các giao dịch đó đã được phê duyệt đầy đủ và hợp lệ bởi các cơ quan/ cấp có thẩm quyền nội bộ của Khách hàng; người ký đại diện cho Khách hàng trên các hồ sơ giao dịch là người đại diện hợp pháp của Khách hàng.
- (g) Khách hàng cam kết chuyển giao cho AIS bản sao đầy đủ của các quy định/chấp thuận nội bộ cho phép Khách hàng ký kết và thực hiện Phần D này; các quy định/chấp thuận đó vẫn còn đầy đủ hiệu lực và chưa bị sửa đổi, thay thế, hủy bỏ hay điều chỉnh theo bất kỳ cách thức nào khác; Trường hợp có sửa đổi, thay thế, hủy bỏ hay điều chỉnh các quy định/chấp thuận nội bộ nêu trên, Khách hàng cam kết ngay lập tức gửi thông tin cho AIS. Nếu việc không thông báo hoặc thông báo chậm trễ dẫn đến vi phạm hoặc có thiệt hại phát sinh, Khách hàng phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với AIS, bao gồm cả trách nhiệm bồi thường thiệt hại thực tế phát sinh.
- (h) Đối với trường hợp Khách hàng chuyển chứng khoán/tiền mặt từ TKGDCK sang TKGDCK theo quy định của Phần D này, căn cứ vào phiếu yêu cầu của Khách hàng lập theo mẫu quy định của AIS, AIS sẽ thực hiện việc chuyển

chứng khoán/chuyển tiền vào TKGDQK. Trường hợp Khách hàng yêu cầu thông qua điện thoại, giao dịch điện tử...AIS sẽ được quyền thay mặt Khách hàng lập phiếu và tự động chuyển chứng khoán/tiền mặt theo yêu cầu của Khách hàng.

ĐIỀU D10. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA AIS

10.1 Quyền Của AIS

- (a) Liên quan đến việc quản lý TKGDQK, Khách hàng ủy quyền cho AIS và không hủy ngang cho đến khi Khách hàng hoàn thành mọi nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ Dư nợ vay GDKQ cho AIS thực hiện các công việc sau:
 - (i) Thay mặt Khách hàng xử lý TSDB để thu hồi các khoản tiền Khách hàng phải thanh toán cho AIS khi Khách hàng vi phạm một trong các quy định được thỏa thuận tại Phần D này;
 - (ii) Thay mặt Khách hàng rút tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn cho AIS khi Khách hàng vi phạm một trong các quy định được thỏa thuận tại Phần D này;
 - (iii) Thay mặt Khách hàng thực hiện bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác đến hạn đối với AIS theo quy định tại Phần D này hay bất kỳ thỏa thuận nào khác giữa Khách hàng và AIS hoặc theo quy định của pháp luật.
- (b) Từ chối giải ngân nếu Khách hàng không đáp ứng đầy đủ các điều kiện giải ngân, điều kiện về TSDB, các Tỷ lệ ký quỹ và/hoặc các điều kiện khác theo quy định của AIS trong từng thời kỳ;
- (c) Từ chối giải ngân trong trường hợp nằm ngoài khả năng cung cấp dịch vụ của AIS;
- (d) Đơn phương xác định lại, điều chỉnh và/hoặc thay đổi tỷ lệ cho vay đối với bất kỳ mã chứng khoán nào thuộc Danh sách chứng khoán được phép GDKQ;
- (e) Đơn phương thay đổi các tỷ lệ liên quan tới quản lý, xử lý TSDB của Khách hàng...và/hoặc thay đổi mức lãi suất cho vay, thay đổi cách thức tính và thu hồi nợ vay, lãi vay mà không cần phải thông báo trước;
- (f) Đơn phương xác định lại, điều chỉnh thay đổi tăng/giảm và chấm dứt hạn mức, sức mua đã cấp cho Khách hàng;
- (g) Tự động ghi nợ, ghi có, chuyển khoản, nộp/trích/rút tiền đối với các tài khoản của Khách hàng tại AIS để:
 - (i) Chuyển tiền thanh toán cho các giao dịch mua, bán, thanh toán phí của Khách hàng tại AIS để thực hiện các GDKQ theo Phần D này;
 - (ii) Thu hồi nợ gốc, nợ lãi, phí, phạt và các nghĩa vụ khác đối với các trường hợp được quy định tại Điều 8 của Phần D này;
 - (iii) Được quyền (nhưng không phải là nghĩa vụ) tự động chuyển tiền từ TKGDCK (nếu có) sang TKGDQK trong trường hợp Khách hàng không bảo đảm các tỷ lệ yêu cầu trên TKGDQK;
 - (iv) Tự động đóng TKGDQK khi Khách hàng vi phạm các nội dung theo Phần D này.
- (h) Khi các khoản vay của Khách hàng đến hạn trả nợ hoặc phải thanh toán trước hạn theo các quy định tại Phần D này, AIS được quyền tự động trích tài khoản của Khách hàng tại AIS hoặc tại bất kỳ tài khoản được ủy quyền giao dịch nào của Khách hàng;
 - (i) Được quyền xử lý TSDB theo quy định tại Phần D này. Trường hợp xử lý TSDB bằng cách bán chứng khoán trên các SGDCCK mà không bán được (do mất thanh khoản tại thời điểm cần xử lý), AIS được quyền (nhưng không phải là nghĩa vụ) nhận chứng khoán là TSDB theo giá sàn của ngày AIS quyết định xử lý (bằng cách tự động thực hiện giao dịch vào tài khoản tự doanh của AIS) để giảm bớt tương ứng nghĩa vụ thanh toán của Khách hàng;
 - (j) Được quyền yêu cầu Khách hàng sử dụng mọi tài sản và nguồn thu khác của Khách hàng để thanh toán các nghĩa vụ cho AIS trong trường hợp TSDB hoặc bảo lãnh không đủ để chi trả cho AIS;
 - (k) Được quyền thu hồi nợ trước hạn khi xảy ra các sự kiện quy định tại Điều D5 trên đây;
 - (l) Không cần sự chấp thuận của Khách hàng, được toàn quyền chuyển giao hoặc chuyển nhượng cho bên thứ 3 (gọi tắt là bên nhận chuyển nhượng) thực hiện toàn bộ hoặc một phần các quyền lợi và nghĩa vụ của AIS theo quy định của Phần D này và các văn bản bổ sung, sửa đổi kèm theo. Trong trường hợp này AIS có nghĩa vụ phải thông báo cho Khách hàng bằng văn bản;
- (m) Được quyền thu Tiền lãi và/hoặc các khoản phí khác theo AIS quy định trong từng thời kỳ phù hợp với pháp luật và nội dung của Phần D này;
- (n) AIS có quyền gửi Thông báo liên quan đến TKGDQK cho chính chủ tài khoản và/hoặc người nhận ủy quyền giao dịch.

10.2 Nghĩa Vụ Của AIS

- (a) Thực hiện nghĩa vụ thông báo cho Khách hàng các thay đổi về danh mục ký quỹ, các tỷ lệ liên quan tới xử lý, quản lý TSDB,...quy định tại Phần D này, các thỏa thuận và văn bản đi kèm (nếu có) theo phương thức do AIS quyết định;
- (b) Thực hiện đúng quy định tại Phần D này và các văn bản thỏa thuận khác (nếu có);
- (c) Thực hiện lưu giữ hồ sơ Khách hàng phù hợp với các quy định của pháp luật;

- (d) Thông báo cho Khách hàng trước và sau khi thực hiện lệnh bán chứng khoán thể chấp và gửi cho Khách hàng kết quả giao dịch bán chứng khoán thể chấp theo phương thức do AIS lựa chọn phù hợp với T&C này.

PHẦN E: QUY ĐỊNH VỀ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

ĐIỀU E1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong Phần E này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- 1.1 **Chứng khoán phái sinh (CKPS):** Là chứng khoán quy định tại các văn bản pháp luật về chứng khoán hiện hành, bao gồm: Hợp đồng tương lai, quyền chọn, hợp đồng kỳ hạn và chứng khoán phái sinh khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật có liên quan.
- 1.2 **Đầu tư kinh doanh chứng khoán phái sinh:** Là việc mua, bán CKPS niêm yết hoặc thỏa thuận giao dịch hợp đồng CKPS trên thị trường CKPS.
- 1.3 **Hợp đồng tương lai chỉ số chứng khoán:** Là chứng khoán phái sinh dựa trên tài sản cơ sở là chỉ số chứng khoán.
- 1.4 **Hợp đồng tương lai Trái phiếu chính phủ (HDTL TPCP):** Là chứng khoán phái sinh dựa trên tài sản cơ sở là trái phiếu Chính phủ hoặc trái phiếu giả định có đặc điểm như một trái phiếu Chính phủ do Kho Bạc Nhà nước phát hành.
- 1.5 **Tài khoản phái sinh:** Được hiểu là bao gồm tài khoản giao dịch phái sinh và tài khoản ký quỹ của Khách hàng được AIS mở trên cơ sở yêu cầu, đề nghị mở tài khoản của Khách hàng để Khách hàng thực hiện giao dịch chứng khoán phái sinh.
- 1.6 **Tài khoản giao dịch phái sinh (TKGDPS):** Là tài khoản của Khách hàng mở tại AIS để thực hiện giao dịch chứng khoán phái sinh.
- 1.7 **Tài khoản ký quỹ:** Là tài khoản ký quỹ được AIS mở cho Khách hàng tại VSD để thực hiện các hoạt động liên quan đến ký quỹ tài sản, thanh toán bù trừ giao dịch CKPS.
- 1.8 **Ký quỹ:** Là việc Khách hàng gửi tiền hoặc chứng khoán được chấp nhận ký quỹ để đảm bảo việc thực hiện giao dịch và nghĩa vụ thanh toán giao dịch CKPS của Khách hàng.
- 1.9 **Giá trị tài sản ký quỹ:** Bao gồm số dư tiền trên tài khoản ký quỹ và giá trị danh mục chứng khoán ký quỹ được xác định theo quy định của VSD và/hoặc AIS từng thời kỳ.
- 1.10 **Ký quỹ ban đầu:** Là việc ký quỹ trước khi thực hiện giao dịch CKPS.
- 1.11 **Giá trị ký quỹ duy trì yêu cầu (MR):** Là giá trị ký quỹ tối thiểu mà Khách hàng phải duy trì và do VSD và/hoặc AIS tính toán đối với số vị thế CKPS đang mở trên tài khoản giao dịch.
- 1.12 **Tỷ lệ ký quỹ bằng tiền:** Là tỷ lệ giữa giá trị tài sản ký quỹ bằng tiền so với tổng giá trị tài sản ký quỹ. Trong mọi trường hợp, tỷ lệ ký quỹ bằng tiền phải tuân theo quy định của AIS và/hoặc các quy định của cơ quan quản lý từng thời kỳ.
- 1.13 **Tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ:** Là tỷ lệ giữa giá trị ký quỹ duy trì yêu cầu (MR) với tổng giá trị tài sản ký quỹ hợp lệ.
- 1.14 **Tỷ lệ ký quỹ duy trì:** Là tỷ lệ tối thiểu giữa Giá trị ký quỹ duy trì yêu cầu với Tổng giá trị tài sản ký quỹ hợp lệ mà Khách hàng cần duy trì trên Tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh. Khách hàng cần duy trì tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ dưới tỷ lệ này
- 1.15 **Tỷ lệ ký quỹ xử lý:** Là tỷ lệ giữa Giá trị ký quỹ duy trì yêu cầu với tổng giá trị tài sản ký quỹ hợp lệ mà tại mức cao hơn mức này AIS có quyền xử lý mất khả năng thanh toán như quy định tại Phần E này.
- 1.16 **Vị thế một CKPS:** Là trạng thái giao dịch và khối lượng CKPS còn hiệu lực mà Khách hàng đang nắm giữ tính tới thời điểm đó. Khách hàng mua hoặc bán một CKPS được gọi là mở vị thế mua hoặc mở vị thế bán CKPS đó.
- 1.17 **Giao dịch đối ứng:** Là việc mở một vị thế mua (hoặc bán) mới nhằm đóng một phần/toàn bộ vị thế bán (hoặc mua) đã mở trước đó.
- 1.18 **Giá thanh toán cuối ngày (DSP):** Là mức giá được xác định cuối ngày giao dịch để tính toán lãi lỗ hàng ngày của các vị thế.
- 1.19 **Giá thanh toán cuối cùng (FSP):** Là mức giá được xác định tại ngày giao dịch cuối cùng để xác định nghĩa vụ thanh toán khi thực hiện hợp đồng.
- 1.20 **Ngưỡng cảnh báo:** Là các giới hạn vi phạm về tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ, giới hạn vị thế một CKPS và/hoặc các cảnh báo khác (nếu có) được AIS quy định trong từng thời kỳ.
- 1.21 **Mất khả năng thanh toán:** Là trạng thái tài khoản của Khách hàng không thực hiện đầy đủ hoặc kịp thời nghĩa vụ thanh toán lỗ vị thế hàng ngày hoặc nghĩa vụ bổ sung tài sản ký quỹ do vi phạm tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ; hoặc thanh toán tiền thực hiện Hợp đồng và/hoặc không chuyển đủ nghĩa vụ thanh toán thực hiện Hợp đồng tương lai Trái phiếu chính phủ hoặc theo quy định của AIS và/hoặc VSD từng thời kỳ.
- 1.22 **Lệnh gọi ký quỹ bổ sung:** Là thông báo từ AIS nhằm yêu cầu Khách hàng thực hiện nộp ký quỹ bổ sung do tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ trên tài khoản do vi phạm các ngưỡng cảnh báo. Việc tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ của tài khoản vi phạm ngưỡng cảnh báo có thể do biến động từ thị trường CKPS làm tăng giá trị tài sản ký quỹ yêu cầu và/hoặc một/một số

chứng khoán ký quỹ không còn được sử dụng để ghi nhận vào tài sản ký quỹ và/hoặc chứng khoán ký quỹ thực hiện quyền (chi trả cổ tức bằng tiền/cổ phiếu/cổ phiếu thưởng/thực hiện quyền mua).

- 1.23 **Cơ quan có thẩm quyền:** gồm Chính phủ, Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, VSD, SGDCK và cơ quan Quản lý Nhà nước có thẩm quyền khác.

ĐIỀU E2. MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH PHÁI SINH

- 2.1 Trên cơ sở Hợp đồng mở TKCK và đăng ký sử dụng dịch vụ chứng khoán giữa Khách hàng và AIS, AIS đồng ý mở cho Khách hàng 01 tài khoản giao dịch CKPS và thay mặt Khách hàng để mở 01 tài khoản ký quỹ CKPS tại VSD theo quy định của AIS trên cơ sở tuân thủ quy định về việc mở tài khoản giao dịch phái sinh của Cơ quan có thẩm quyền.
- 2.2 AIS không thực hiện mở tài khoản giao dịch CKPS cho các đối tượng sau đây:
- (a) Cá nhân dưới 18 tuổi;
 - (b) Cá nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, đang chấp hành hình phạt tù, hoặc bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh; Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), các Trưởng bộ phận, Nhân viên của thành viên giao dịch khác; và
 - (c) Những đối tượng khác bị cấm giao dịch chứng khoán phái sinh theo quy định của pháp luật.
- 2.3 Khách hàng hoàn toàn chịu trách nhiệm trong việc tuân thủ các quy định về điều kiện mở TKGDPS. Trường hợp AIS phát hiện Khách hàng không trung thực trong việc cung cấp thông tin mở tài khoản và/hoặc Khách hàng là một trong số các đối tượng được quy định nêu trên, AIS có quyền tự động từ chối việc nhận lệnh giao dịch của Khách hàng, ngoại trừ các giao dịch đối ứng để đóng vị thế; đồng thời tiến hành đóng tài khoản của Khách hàng ngay sau khi hoàn tất việc thanh lý vị thế của Khách hàng đó mà không phải bồi thường bất kỳ thiệt hại nào cho Khách hàng.
- 2.4 Khách hàng có nghĩa vụ cung cấp đúng, đầy đủ và cập nhật khi có sự thay đổi các thông tin cần thiết cho việc mở, quản lý TKGDPS. AIS không chịu trách nhiệm nếu Khách hàng không cung cấp thông tin thay đổi dẫn đến việc không trùng khớp thông tin, gây gián đoạn việc giao dịch CKPS của Khách hàng.

ĐIỀU E3. GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

- 3.1 Sau khi mở tài khoản CKPS, Khách hàng được thực hiện giao dịch CKPS theo quy định của Cơ quan có thẩm quyền về việc mở tài khoản CKPS.
- 3.2 Việc nhận, thực hiện và xác nhận lệnh, kết quả giao dịch CKPS được thực hiện trên cơ sở các giao kết đã có giữa AIS và Khách hàng cho TKGDCK cơ sở. Giao dịch CKPS của Khách hàng sẽ được AIS thực hiện trên cơ sở tuân thủ các quy định của Cơ quan có thẩm quyền và của AIS trong từng thời kỳ. AIS có quyền từ chối nhận lệnh của Khách hàng trong các trường hợp sau:
- (a) Khách hàng chưa ký quỹ đầy đủ theo quy định của AIS và/hoặc quy định của VSD, trừ các giao dịch đối ứng; hoặc
 - (b) Tài khoản của Khách hàng đang mất khả năng thanh toán hoặc đang bị tạm ngừng giao dịch theo quy định của VSD, Sở giao dịch chứng khoán; hoặc
 - (c) Lệnh vượt quá giới hạn lệnh theo quy định của AIS và/hoặc quy định của VSD;
 - (d) Lệnh mà cùng với các lệnh đang chờ thực hiện trên hệ thống của tài khoản giao dịch sẽ làm vượt quá giới hạn lệnh tích lũy hoặc lệnh dẫn tới vị thế của Khách hàng trên tài khoản vượt quá giới hạn vị thế theo quy chế của SGDCK, VSD (nếu có); hoặc
 - (e) Các trường hợp khác theo quy định của Cơ quan có thẩm quyền.
- 3.3 Nếu Khách hàng không tuân thủ một hoặc nhiều quy định bất kỳ về giao dịch chứng khoán phái sinh, AIS có quyền từ chối thực hiện giao dịch của Khách hàng. Khách hàng cam kết không có bất kỳ khiếu kiện nào đối với AIS khi AIS từ chối thực hiện giao dịch như vậy.

ĐIỀU E4. KÝ QUỸ, QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ KÝ QUỸ TRONG GIAO DỊCH PHÁI SINH

4.1 Ký Quỹ Thực Hiện Giao Dịch Chứng Khoán Phái Sinh

- (a) Khách hàng có trách nhiệm nộp đầy đủ ký quỹ ban đầu đầy đủ và kịp thời cho toàn bộ vị thế dự kiến mở trước khi Khách hàng thực hiện các giao dịch, ngoại trừ các giao dịch đối ứng.
- (b) Tỷ lệ ký quỹ ban đầu, tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ duy trì được AIS công bố từng thời kỳ trên website của AIS, Khách hàng có nghĩa vụ theo dõi các thông báo của AIS được cập nhật trên website để luôn đảm bảo giá trị ký quỹ thực hiện Hợp đồng. Khách hàng phải duy trì ký quỹ cho vị thế của mình và phải bổ sung ký quỹ khi (i) tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ vi phạm tỷ lệ do AIS/VSD quy định; hoặc (ii) số dư tiền gửi ký quỹ không đảm bảo tỷ lệ ký quỹ duy trì bằng tiền theo yêu cầu của AIS. AIS có quyền yêu cầu Khách hàng bổ sung ký quỹ ngay trong phiên giao dịch (intra-day margin).
- (c) Khách hàng được rút/chuyển tài sản ký quỹ nếu giá trị tài sản ký quỹ vượt quá giá trị ký quỹ duy trì yêu cầu do AIS quy định nhưng trong mọi trường hợp không thấp hơn giá trị ký quỹ duy trì do VSD quy định và thỏa mãn các điều kiện được phép rút ký quỹ.
- (d) Khi ký quỹ ban đầu hoặc bổ sung ký quỹ, AIS được quyền yêu cầu Khách hàng ký quỹ hoàn toàn bằng tiền hoặc cho phép Khách hàng sử dụng một phần tài sản ký quỹ là chứng khoán được chấp nhận làm tài sản bảo đảm theo

tỷ lệ ký quỹ bằng tiền do AIS quy định trong từng thời kỳ nhưng không thấp hơn tỷ lệ ký quỹ bằng tiền theo quy định của pháp luật có liên quan.

- (e) Trong thời gian ký quỹ, chứng khoán ký quỹ làm tài sản bảo đảm của Khách hàng vẫn được nhận các quyền và lợi ích phát sinh theo quy định pháp luật. Khách hàng không được sử dụng chứng khoán ký quỹ để chuyển nhượng, cho, tặng, thế chấp, cầm cố, ký quỹ, ký cược, đăng ký tài sản bảo đảm hoặc sử dụng các tài sản ký quỹ vào các mục đích khác.

4.2 Ký Quỹ Trong Giao Dịch Hợp Đồng Tương Lai Trái Phiếu Chính Phủ

- (a) Ngoài khoản ký quỹ ban đầu, Khách hàng phải nộp ký quỹ đảm bảo thực hiện HĐTL TPCP bằng tiền hoặc trái phiếu trong danh sách các trái phiếu có thể chuyển giao theo quy định của AIS phù hợp với quy định của VSD (bao gồm nhưng không giới hạn: tỷ lệ nộp, thời hạn nộp...).
- (b) Tỷ lệ ký quỹ ban đầu, tỷ lệ ký quỹ đảm bảo thực hiện HĐTL TPCP và các tỷ lệ khác được AIS công bố từng thời kỳ, Khách hàng có nghĩa vụ theo dõi các thông báo của AIS để luôn đảm bảo giá trị ký quỹ thực hiện Hợp đồng. Khách hàng phải duy trì ký quỹ cho vị thế của mình và phải bổ sung ký quỹ khi (i) tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ vi phạm tỷ lệ do AIS/VSD quy định; hoặc (ii) số dư tiền gửi ký quỹ không đảm bảo tỷ lệ ký quỹ duy trì bằng tiền theo yêu cầu của AIS. AIS có quyền yêu cầu Khách hàng bổ sung ký quỹ ngay trong phiên giao dịch (intra-day margin).
- (c) Tỷ lệ chiết khấu chứng khoán ký quỹ: được AIS công bố từng thời kỳ trên trang thông tin của AIS và/hoặc tại quầy giao dịch.
- (d) Khách hàng có nghĩa vụ đảm bảo tỷ lệ ký quỹ duy trì và thanh toán lỗ vị thế hàng ngày theo quy định của AIS từng thời kỳ. Trường hợp Khách hàng vi phạm các nghĩa vụ này dẫn đến việc Khách hàng/AIS phải tìm đối tác để hỗ trợ các khoản duy trì và thanh toán thì Khách hàng có trách nhiệm tự mình thanh toán toàn bộ các chi phí, phí tổn, tiền phạt (nếu có) liên quan đến việc hỗ trợ nêu trên.

4.3 Tài Sản Ký Quỹ

- (a) Tài sản ký quỹ bao gồm: (i) Tiền mặt; (ii) Chứng khoán được phép sử dụng làm tài sản ký quỹ theo quy định của pháp luật: Trái phiếu chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh ngoại trừ tín phiếu Kho bạc; Chứng khoán niêm yết tại SGDCK (cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư ngoại trừ chứng chỉ quỹ ETF); Các chứng khoán khác theo quy định của VSD từng thời kỳ; (iii) Các loại tài sản khác theo quy định của AIS và pháp luật tại từng thời kỳ.
- (b) Điều kiện ghi nhận chứng khoán làm tài sản ký quỹ:
 - (i) Thuộc danh mục chứng khoán do AIS công bố theo từng thời kỳ phù hợp với quy định của VSD;
 - (ii) Không thuộc loại bị cảnh báo, bị kiểm soát, tạm ngừng giao dịch trên SGDCK; hoặc chứng khoán của các tổ chức phát hành đang trong tình trạng thanh lý, giải thể, phá sản, hợp nhất, sáp nhập;
 - (iii) Không bị cầm cố, phong tỏa, tạm giữ tại VSD;
 - (iv) Thuộc loại tự do chuyển nhượng và đã được lưu ký trên TKGDKK tại VSD;
 - (v) Là tài sản hợp pháp do Khách hàng đứng tên trên tài khoản lưu ký;
 - (vi) Đáp ứng các điều kiện khác do AIS quy định theo từng thời kỳ (nếu có).

4.4 Quản Lý Tỷ Lệ Sử Dụng Tài Sản Ký Quỹ

- (a) AIS gửi thông báo yêu cầu Khách hàng bổ sung tài sản ký quỹ khi tài khoản vi phạm các ngưỡng cảnh báo để đảm bảo tỷ lệ ký quỹ duy trì. Khách hàng có trách nhiệm nộp ký quỹ bổ sung cho AIS theo yêu cầu ngay sau khi nhận lệnh gọi ký quỹ. Trong mọi trường hợp, nếu Khách hàng không thực hiện ký quỹ bổ sung đầy đủ và đúng thời hạn, Khách hàng được coi là mất khả năng thanh toán và AIS có quyền áp dụng các hình thức xử lý tài khoản giao dịch CKPS của Khách hàng theo quy định của Phần E này và pháp luật có liên quan. Lệnh gọi bổ sung tài sản ký quỹ có thể được thực hiện bằng một trong các hình thức: gửi tin nhắn SMS, email, điện thoại, văn bản hoặc các phương tiện khác do AIS lựa chọn trong từng thời kỳ.
- (b) Khi Khách hàng vi phạm tỷ lệ ký quỹ xử lý, AIS có quyền thực hiện ngay các biện pháp cần thiết theo quy định bao gồm việc tự động đóng một phần hoặc toàn bộ các vị thế trên tài khoản phái sinh của Khách hàng và tất cả các biện pháp cần thiết khác để đảm bảo tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ thấp hơn tỷ lệ ký quỹ duy trì.

4.5 Xử Lý Tài Sản Ký Quỹ Trong Trường Hợp Tài Khoản Mất Khả Năng Thanh Toán

Nếu Khách hàng mất khả năng thanh toán, AIS có quyền (nhưng không phải là nghĩa vụ) thực hiện các công việc sau:

- (a) Đình chỉ việc nhận lệnh của Khách hàng, đồng thời hủy các lệnh giao dịch chưa thực hiện;
- (b) Thực hiện rút toàn bộ tiền mặt hiện có trên TKGDPK của Khách hàng;
- (c) Thực hiện rút tiền ký quỹ của Khách hàng tại VSD (nếu giá trị ký quỹ của Khách hàng vượt mức yêu cầu và được VSD chấp thuận);
- (d) Thực hiện việc đóng một phần hoặc toàn bộ vị thế đối với các vị thế mở của Khách hàng nếu Khách hàng không chủ động thực hiện bổ sung tài sản ký quỹ theo thông báo đã nhận;
- (e) Sử dụng, bán, chuyển giao tài sản ký quỹ của Khách hàng mà không cần sự chấp thuận của Khách hàng;

- (f) Thực hiện thu toàn bộ tiền mặt hiện có và/hoặc bán, chuyển giao tài sản của Khách hàng trên các tài khoản khác mà Khách hàng hiện đang có tại AIS, bao gồm nhưng không giới hạn tiền trên TKCK (kể cả tài khoản ký quỹ) (trong trường hợp này, AIS được thu toàn bộ tiền mặt hiện có mà không cần sự chấp thuận của Khách hàng); và
- (g) Các biện pháp khác theo quy định của AIS và/hoặc pháp luật có liên quan.

Tùy thuộc từng thời điểm và điều kiện thị trường, AIS sẽ tùy nghi áp dụng một/toàn bộ các biện pháp nêu trên. Nếu sau khi áp dụng toàn bộ các biện pháp nêu trên mà TKCK vẫn không đủ khả năng thanh toán, AIS sẽ phối hợp với VSD để tạm ứng nghiệp vụ nhằm thực hiện bù đắp khoản lỗ cho Khách hàng, Khách hàng có trách nhiệm thanh toán cho AIS toàn bộ tài sản đã tạm ứng và chịu mọi khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc xử lý tài sản nêu trên.

ĐIỀU E5. THANH TOÁN

5.1 Khách hàng có nghĩa vụ:

- (a) Thanh toán lỗi vị thế: Khách hàng lỗi vị thế có nghĩa vụ thanh toán khoản lỗ cho AIS theo thời gian do AIS quy định tại từng thời kỳ.
- (b) Thanh toán các khoản phí, thuế và các khoản chi phí liên quan khác (nếu có) khi thực hiện giao dịch chứng khoán phái sinh theo quy định của AIS và Cơ quan có thẩm quyền. Các khoản phí, thuế này được AIS công bố từng thời kỳ qua một trong các hình thức sau (i) tại quầy giao dịch của AIS (ii) công bố trên website của AIS và/hoặc (iii) phương thức khác tùy từng thời kỳ. Khách hàng có trách nhiệm tìm hiểu để nắm thông tin trước khi thực hiện giao dịch.
- (c) Thanh toán các khoản tiền do AIS đã hỗ trợ thanh toán trên tài khoản của Khách hàng do các nguyên nhân bao gồm nhưng không giới hạn bởi: tài khoản phái sinh của Khách hàng vi phạm các nghĩa vụ thanh toán các khoản phí, thuế và các khoản chi phí liên quan khác theo quy định của cơ quan quản lý.

5.2 Khách hàng có trách nhiệm theo dõi việc thu phí, thuế, chi phí khác (nếu có) trên các báo cáo, sao kê của mình. Trường hợp có sự khác biệt, Khách hàng có trách nhiệm thông báo cho AIS trong vòng 03 ngày làm việc. Quá thời hạn này mà Khách hàng không có phản hồi với AIS được hiểu là Khách hàng mặc nhiên xác nhận và đồng ý với việc kê khai và thu nộp thuế, phí, lệ phí và chi phí khác của AIS.

5.3 Trong mọi trường hợp, nếu Khách hàng không thanh toán và/hoặc thanh toán không đầy đủ các nghĩa vụ nêu tại Khoản 5.1 đúng thời gian quy định, các nghĩa vụ còn lại được xem như khoản nợ của Khách hàng được cộng dồn lại và bị tính lãi theo quy định của AIS và/hoặc Bên thứ ba (nếu có). AIS có quyền tự động rút và xử lý tài sản ký quỹ trên tài khoản phái sinh của Khách hàng, các tài sản khác của Khách hàng để thanh toán cho các nghĩa vụ nêu trên của Khách hàng cho đến khi được thanh toán đầy đủ.

5.4 Nếu AIS đánh giá Khách hàng có khả năng vi phạm các nghĩa vụ thanh toán tại Khoản 5.1(c) trên đây, AIS có quyền tự động rút toàn bộ tài sản ký quỹ trên tài khoản ký quỹ của Khách hàng tại thời điểm đó dựa trên các quy định của các Cơ quan thẩm quyền.

ĐIỀU E6. THANH TOÁN HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

6.1 Thanh Toán Hợp Đồng Tương Lai Trái Phiếu Chính Phủ

- (a) HĐTL TPCP được thanh toán bằng phương thức chuyển giao vật chất vào ngày thanh toán cuối cùng là ngày làm việc thứ ba (03) sau ngày giao dịch cuối cùng (E+3). Khách hàng cam kết thanh toán đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ thanh toán thực hiện hợp đồng HĐTL TPCP theo quy định của AIS và VSD từng thời kỳ.
- (b) Nếu Khách hàng nắm giữ vị thế mua đến hết phiên giao dịch của ngày giao dịch cuối cùng (E) thì Khách hàng có nghĩa vụ nộp tiền vào tài khoản giao dịch phái sinh của mình với số tiền không thấp hơn giá trị hợp đồng tính theo mệnh giá Trái phiếu hoặc thực hiện các biện pháp chứng minh khả năng thanh toán khác theo yêu cầu của AIS từng thời kỳ.
- (c) Nếu Khách hàng nắm giữ vị thế bán đến hết phiên giao dịch của ngày giao dịch cuối cùng (E) thì Khách hàng có nghĩa vụ cung cấp danh sách trái phiếu được sử dụng để chuyển giao theo quy định của AIS từng thời kỳ.
- (d) Nếu Khách hàng không chứng minh khả năng thanh toán theo quy định trên hoặc không cung cấp/cung cấp không đúng, không đầy đủ danh sách trái phiếu chuyển giao theo quy định trên dẫn đến Khách hàng/AIS phải tìm đối tác thế vị hoặc tìm nguồn trái phiếu chuyển giao thay thế và/hoặc dẫn đến việc thanh toán HĐTL TPCP theo hình thức bằng tiền thì vào ngày thanh toán cuối cùng, ngoài nghĩa vụ thanh toán toàn bộ các chi phí, phí tổn, tiền phạt liên quan đến việc vi phạm nghĩa vụ nêu trên (nếu có), Khách hàng có trách nhiệm bồi thường cho các bên liên quan với số tiền được tính theo công thức sau:

Giá trị bồi thường = 5% x FSP x Hệ số nhân hợp đồng x Số hợp đồng (Trong đó: FSP là giá thanh toán cuối cùng).

AIS có trách nhiệm công khai các mốc thời gian thực hiện nghĩa vụ quy định tại các đoạn (b) và (c) trên để Khách hàng thực hiện.

6.2 Thanh Toán Giá Trị Bồi Thường Và Chi Phí Có Liên Quan

- (a) Không mâu thuẫn với các quy định khác trong Phần E này, Khách hàng đồng ý rằng nếu vi phạm nghĩa vụ nộp tiền chứng minh khả năng thanh toán hoặc vi phạm nghĩa vụ cung cấp danh sách trái phiếu theo quy định tại Khoản 6.1(b), (c) hay (d) trên đây dẫn đến AIS phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường cho các bên liên quan thay Khách hàng

theo quy định của VSD và/hoặc tìm đối tác thế vị, tìm nguồn trái phiếu chuyển giao thay thế và/hoặc AIS bị phạt theo quy định của VSD thì Khách hàng chấp nhận nợ và cam kết thanh toán đầy đủ cho AIS toàn bộ các chi phí liên quan và Giá trị bồi thường nêu trên cùng các khoản lãi, phạt phát sinh.

- (b) Thời hạn thanh toán: tại ngày thanh toán cuối cùng (E+3).
- (c) Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán Số tiền bồi hoàn cho AIS tại ngày thanh toán cuối cùng (E+3) (nếu có) theo công thức sau:

Số tiền bồi hoàn = Giá trị bồi thường + Các chi phí liên quan

Trong đó:

- Giá trị bồi thường được xác định theo công thức quy định tại Khoản 6.1(d) trên đây;
- Các chi phí liên quan xác định theo thực tế phát sinh do hành vi vi phạm của Khách hàng quy định tại Khoản 6.1(d) trên đây.

ĐIỀU E7. XỬ LÝ VI PHẠM VỊ THẾ

- 7.1 Khách hàng phải bảo đảm vị thế trên TKGDPS trong giới hạn vị thế theo quy chế của VSD. Trường hợp vượt giới hạn vị thế, Khách hàng có trách nhiệm thực hiện các giao dịch đối ứng ngay trong ngày để giảm vị thế, bổ sung ký quỹ (nếu có) trong thời hạn quy định của AIS và/hoặc VSD.
- 7.2 Sau thời hạn nêu trên, nếu Khách hàng không hoàn tất việc giảm vị thế theo quy định thì AIS được toàn quyền chủ động phối hợp với VSD để thực hiện giao dịch đối ứng để đóng một phần hoặc toàn bộ vị thế của Khách hàng. AIS có quyền nhưng không có nghĩa vụ phải hoàn tất đóng vị thế của Khách hàng, do đó mọi khoản lỗ và chi phí phát sinh sẽ do Khách hàng chịu và phải thanh toán cho AIS và/hoặc VSD theo quy định liên quan.

ĐIỀU E8. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA KHÁCH HÀNG

8.1 Quyền Của Khách hàng

- (a) Sở hữu và hưởng các quyền và lợi ích phát sinh từ tiền gửi, quyền và lợi ích phát sinh từ chứng khoán ký quỹ trên TKGDPS.
- (b) Khách hàng được quyền rút, thay thế tài sản ký quỹ (khi đảm bảo tỷ lệ ký quỹ) theo đúng quy định của AIS và pháp luật; được quyền rút một phần tiền trên TKGDPS với điều kiện sau khi rút TKGDPS của Khách hàng vẫn đảm bảo tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ và các quy định khác của AIS trong từng thời kỳ.
- (c) Chấm dứt dịch vụ giao dịch chứng khoán phát sinh với điều kiện đã thanh toán mọi khoản dư nợ, phí, chi phí liên quan, các nghĩa vụ khác cho AIS và bên thứ ba (nếu có).

8.2 Nghĩa Vụ Của Khách hàng

- (a) Nhận nợ vô điều kiện đối với các khoản hỗ trợ được AIS tự động thanh toán theo yêu cầu của VSD (không cần có chữ ký của Khách hàng) để thanh toán lỗ vị thế và có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ các khoản tiền đó cùng các chi phí liên quan cho AIS theo quy định của Hợp đồng này.
- (b) Trong thời gian ký quỹ, tài sản ký quỹ không được sử dụng để chuyển nhượng, tặng, cho cầm cố, thế chấp cho bất kỳ bên thứ ba nào, hoặc không được sử dụng biện pháp khác để rút tiền/tài sản từ tài khoản chứng khoán ký quỹ.
- (c) Chủ động theo dõi biến động giá chứng khoán trên thị trường hàng ngày, chủ động bổ sung tài sản ký quỹ, chủ động đóng bớt một phần hoặc toàn bộ vị thế mà mình đang nắm giữ để đảm bảo tỷ lệ ký quỹ duy trì theo quy định của AIS và/hoặc VSD. Thực hiện công bố thông tin (đối với trường hợp phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật) theo yêu cầu của AIS khi AIS phải xử lý tài sản ký quỹ là chứng khoán cơ sở.
- (d) Chủ động theo dõi, cập nhật các thông tin liên quan đến hoạt động giao dịch CKPS được AIS thông báo trên website của AIS.
- (e) Đồng ý, chấp thuận và tuân thủ đúng các quy định của Phần E này; cam kết không có bất khiếu nại, khiếu kiện nào đối với các quy định của Phần E này.
- (f) Tự chịu trách nhiệm về các khoản thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- (g) Chấp nhận các rủi ro khi đầu tư chứng khoán phát sinh.
- (h) Bồi thường cho AIS các thiệt hại (nếu có) do khách hàng gây nên.
- (i) Sử dụng mọi tài sản và nguồn thu khác của Khách hàng để thanh toán các nghĩa vụ cho AIS trong trường hợp tiền và chứng khoán ký quỹ không đủ để chi trả các nghĩa vụ liên quan đến vị thế của Khách hàng.

ĐIỀU E9. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA AIS

9.1 Quyền Của AIS

- (a) Tự động chuyển khoản, nộp/trích/rút tiền, ghi nợ, ghi có đối với các tài khoản của Khách hàng tại AIS để: (i) Chuyển tiền thanh toán cho các giao dịch mua, bán, thanh toán phí của Khách hàng tại AIS để thực hiện các giao dịch CKPS theo Phần E này; (ii) có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) tự động chuyển tiền từ các tiểu khoản của tài khoản chứng khoán sang tài khoản CKPS trong trường hợp Khách hàng không bảo đảm các giá trị yêu cầu/ngĩa

vụ thanh toán trên tài khoản CKPS; (iii) Tự động đóng một phần hoặc toàn bộ vị thế của tài khoản CKPS khi Khách hàng không thực hiện các giao dịch theo Phần E này.

- (b) Thực hiện các giao dịch khác theo ủy quyền của Khách hàng.
- (c) Cung cấp các thông tin liên quan đến tài khoản của Khách hàng cho cơ quan có thẩm quyền nếu có yêu cầu.
- (d) Có quyền yêu cầu Khách hàng sử dụng mọi tài sản và nguồn thu khác của Khách hàng để thanh toán các nghĩa vụ cho AIS trong trường hợp tiền và chứng khoán ký quỹ không đủ để chi trả các nghĩa vụ liên quan đến vị thế của Khách hàng.
- (e) Không cần sự chấp thuận của Khách hàng, được toàn quyền chuyển giao hoặc chuyển nhượng cho bên thứ 3 (gọi tắt là bên nhận chuyển nhượng) thực hiện toàn bộ hoặc một phần các quyền lợi và nghĩa vụ của AIS theo quy định tại Phần E này và các thỏa thuận, các phụ lục bổ sung, sửa đổi kèm theo. Trong trường hợp này AIS có nghĩa vụ phải thông báo cho Khách hàng trước khi thực hiện.
- (f) Được quyền thu tiền lãi và/hoặc các khoản phí khác đối với các khoản thanh toán lỗ vị thế theo AIS quy định trong từng thời kỳ phù hợp với pháp luật và thỏa thuận tại Phần E này.
- (g) AIS có quyền gửi thông báo liên quan đến tài khoản CKPS cho chính chủ tài khoản và/hoặc người nhận ủy quyền giao dịch đã đăng ký thông tin tại Hợp đồng mở TKCK và đăng ký dịch vụ chứng khoán.
- (h) AIS có toàn quyền cập nhật, thay đổi, chỉnh sửa các quy định về các thông số, tỷ lệ an toàn tài khoản trong giao dịch CKPS vào bất kỳ thời điểm nào mà không cần đạt được sự chấp thuận của Khách hàng, với điều kiện là AIS thực hiện thông báo tới Khách hàng trước khi thực hiện theo bất kỳ cách thức thông báo do AIS lựa chọn theo từng thời kỳ.

9.2 Nghĩa Vụ Của AIS

- (a) Mở TKGDPS theo quy định.
- (b) Thực hiện lệnh giao dịch theo yêu cầu của Khách hàng thỏa mãn các điều kiện theo quy định của AIS và thông báo cho Khách hàng kết quả giao dịch theo quy định của Cơ quan có thẩm quyền; cung cấp báo cáo, sao kê về giao dịch CKPS, khớp lệnh CKPS theo yêu cầu của Khách hàng hoặc định kỳ.
- (c) Công bố các thay đổi về các tỷ lệ, danh mục chứng khoán được phép ký quỹ phái sinh và các thông tin khác theo nội dung tại Hợp đồng này, phụ lục và tài liệu đi kèm (nếu có) theo phương thức do AIS lựa chọn; thông báo tới Khách hàng về các vấn đề ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Khách hàng theo phương thức và trong thời hạn và AIS thấy là hợp lý và phù hợp với các quy định của pháp luật.

ĐIỀU E10. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

- 10.1 Khách hàng tại đây xác nhận ủy thác hoạt động thanh toán bù trừ cho AIS, ủy thác việc quản lý tài khoản ký quỹ và các tài sản ký quỹ cho AIS. Khách hàng đồng ý và ủy quyền cho AIS chuyển/rút tài sản ký quỹ của Khách hàng để ký quỹ cho VSD hoặc chuyển/rút từ VSD về TKPS của Khách hàng tại AIS để đảm bảo mức ký quỹ yêu cầu, các tỷ lệ, các nghĩa vụ của Khách hàng với AIS theo quy định của AIS từng thời kỳ.
- 10.2 Khách hàng ủy quyền cho VSD để ký các văn bản và thực hiện các thủ tục cần thiết để đóng vị thế, thanh lý vị thế, chuyển giao tài sản ký quỹ, bàn giao quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ cho thành viên giao dịch, thành viên bù trừ thay thế trong trường hợp Thành viên giao dịch, thành viên bù trừ hiện hữu tạm ngừng hoạt động môi giới, bù trừ CKPS.
- 10.3 Khách hàng hiểu rằng các giao dịch chứng khoán phái sinh có thể chứa đựng rủi ro tổn thất rất lớn. Do đó, Khách hàng đã cẩn trọng xem xét các giao dịch chứng khoán phái sinh và hoàn toàn chấp nhận vô điều kiện các khoản lỗ tổng thể từ ký quỹ ban đầu và các khoản ký quỹ bổ sung mà Khách hàng nộp vào để thiết lập hoặc duy trì các vị thế của mình trên thị trường chứng khoán phái sinh.
- 10.4 Khách hàng cam kết ngay lập tức và chủ động trong việc nộp ký quỹ bổ sung trong trường hợp nhận được lệnh gọi ký quỹ bổ sung từ AIS và/hoặc chủ động theo dõi trạng thái tài khoản CKPS để đóng một phần hoặc toàn phần các vị thế mà Khách hàng đang nắm giữ trong trường hợp tài khoản vi phạm các ngưỡng cảnh báo. Khách hàng xác nhận, trong trường hợp thị trường có nhiều biến động, hoặc tình trạng các vị thế mở của Khách hàng có nhiều thay đổi bất lợi hoặc tình hình tài chính của Khách hàng có thay đổi, AIS có toàn quyền điều chỉnh tỷ lệ ký quỹ, yêu cầu Khách hàng bổ sung ký quỹ ngay trong ngày giao dịch.
- 10.5 Khách hàng đồng ý rằng AIS có toàn quyền chủ động áp dụng các biện pháp xử lý tài khoản CKPS bị rơi vào ngưỡng cảnh báo hoặc AIS đánh giá tài khoản của Khách hàng có nhiều rủi ro vi phạm ngưỡng xử lý (vi phạm giới hạn vị thế, vi phạm tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ) và/hoặc mất khả năng thanh toán và Khách hàng sẽ không thực hiện bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện nào đối với việc AIS khi AIS thực hiện quyền này.
- 10.6 Nếu Khách hàng mất khả năng thanh toán và AIS đã hỗ trợ thanh toán cho Khách hàng theo quy định của VSD thì AIS có toàn quyền sử dụng tài sản ký quỹ (kể cả bán, chuyển giao tài sản ký quỹ, sử dụng làm tài sản bảo đảm hoặc để thanh toán cho mục đích khác hoặc cho bên thứ ba) mà không cần chấp thuận của Khách hàng nhằm xử lý và/hoặc thu hồi khoản hỗ trợ mất khả năng thanh toán cho Khách hàng. AIS có quyền phối hợp hoặc ủy quyền lại cho bên thứ ba thay mặt AIS xử lý tài sản ký quỹ. Khách hàng cam kết vô điều kiện dùng mọi nguồn thu và tài sản của Khách hàng để bù đắp cho các khoản tạm ứng, tiền lãi, phí, chi phí và các khoản thanh toán đến hạn khác (nếu có) cho AIS hoặc bên nhận chuyển nhượng.

- 10.7 Khách hàng đồng ý rằng AIS có toàn quyền lựa chọn chứng khoán ký quỹ, quyết định các tỷ lệ ký quỹ, xác định giá trị tài sản ký quỹ và điều chỉnh các nội dung này phù hợp với tình hình thị trường và chính sách của AIS vào từng thời kỳ mà không cần được sự chấp thuận của Khách hàng.
- 10.8 Khách hàng/Người được ủy quyền giao dịch hợp pháp của Khách hàng cam kết có trách nhiệm kiểm tra tình trạng giao dịch, số dư tài khoản theo quy định của Phần E này. Khách hàng cam kết rằng nếu xảy ra tranh chấp giữa Khách hàng và Người được ủy quyền của mình thì AIS không phải tham gia giải quyết tranh chấp dù trong bất kỳ trường hợp nào. Nếu AIS phải tham gia theo yêu cầu của cơ quan giải quyết tranh chấp thì Khách hàng và Người được ủy quyền liên đới chịu các phí tổn để AIS tham gia.

----- **END** -----